

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải (Quyết định số 52/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 01 năm 2019, Quyết định số 355/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 03 năm 2020, Quyết định số 1448/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 07 năm 2020, Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Quyết định số 286/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2021);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 52/TTr-SGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung cụ thể từng thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ các Quyết định:

1. Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

2. Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum;

3. Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính có sửa đổi và phê duyệt danh mục thủ tục hành chính có sửa đổi thuộc ngành Giao thông vận tải được tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;

4. Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi và phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc ngành Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải (*để b/cáo*);
- Cục Kiểm soát TTHC (*Văn phòng Chính phủ*);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum;
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH

**CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**

Phụ lục:

Sở Giao thông vận tải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 213 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Phần I:  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT      | Mã Thủ tục hành chính      | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm thực hiện                   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|----------|----------------------------|---|---|--------------------------------------|--|---|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Đăng kiểm</b>  |   |   |                                      |  |   |
| 1        | 1.005018.00<br>0.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo | Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ kiểm định. | Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum. | - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;<br>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016. | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.<br>- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Hướng dẫn số 650/ĐKVN-VAR ngày 02/03/2015 của Cục Đăng kiểm Việt Nam. |

|   |                            |  |  |                                      |  |   |
|---|----------------------------|--|--|--------------------------------------|--|---|
| 2 | 1.001261.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | Trong ngày làm việc, sau khi kiểm tra đạt yêu cầu. | Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</li> <li>- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 9/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>  |
| 3 | 1.005103.000<br>.00.00.H34 | Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng                        | Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ kiểm định.            | Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Hướng dẫn số 2970/ĐKVN-VAR ngày 30/6/2016 của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</li> </ul> |
| 4 | 1.004325.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ                                       | Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu.             | Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá dịch vụ kiểm định. Mức giá: 180.000 đồng/xe</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận. Mức</li> </ul>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li> </ul>   |

|   |                            |   |   |  |   |   |
|---|----------------------------|---|---|--|---|---|
|   |                            |   |   |  | thu: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/7/2019 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>  |
| 5 | 1.005005.000<br>.00.00.H34 | Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ | Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu. | Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí kiểm định: 180.000 đồng /xe;</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận :50.000 đồng/01 giấy chứng nhận.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/7/2019 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
| 6 | 1.001001.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo   | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                        | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum | Phí thẩm định: 300.000 đồng/chiếc.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> </ul>   |

|           |                            |  |   |   |        |  |
|-----------|----------------------------|--|---|---|--------|--|
|           |                            |  |   |   |        | - Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ Giao thông vận tải. |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Đường bộ</b>   |  |   |   |        |  |
| 1         | 1.000703.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô  | Không quá 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>         |
| 2         | 2.002286.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng | Không quá 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>         |
| 3         | 2.002287.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng  | Không quá 03 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>         |
| 4         | 2.002288.000<br>.00.00.H34 | Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định,  | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>         |

|   |                            |  |  |   |        |  |
|---|----------------------------|--|--|---|--------|--|
|   |                            | bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)   |  |   |        |  |
| 5 | 2.002289.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i> |
| 6 | 2.002285.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký khai thác tuyến  | - Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:<br>+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính (Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021).            | Không. | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i> |

|   |                        |   |   |   |        |  |
|---|------------------------|---|---|---|--------|--|
|   |                        |   | <p>định</p> <p>+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p> <p>- Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định</p> | <p>- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải (Áp dụng từ ngày 01/7/2021 không nhận hồ sơ trực tiếp và qua đường bưu điện).</p> |        |  |
| 7 | 1.002268.000.00.00.H34 | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> .                                     | Không. | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT, ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |
| 8 | 1.002856.000.00.00.H34 | Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện   | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> .                                     | Không. | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</p>  |
| 9 | 1.002852.000.00.00.H34 | Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện   | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> .                                     | Không. | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP, ngày 10/9/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của</p> |



|    |                            |  |   |   |        |   |
|----|----------------------------|--|---|---|--------|---|
|    |                            |  |   |   |        | <i>Bộ Giao thông vận tải;</i>   |
| 10 | 1.002063.000<br>.00.00.H34 | Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh  | Không. | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i>   |
| 11 | 1.001023.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia  | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT, ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải.</i><br>- <i>Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT, ngày 28/11/2019 của Bộ Giao thông vận tải.</i> |
| 12 | 1.001577.000<br>.00.00.H34 | Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam       | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh  | Không. | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT, ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải</i>   |
| 13 | 1.002877.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam                                   | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT, ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.</i>   |
| 14 | 1.002869.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam                               | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a> . | Không. | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT, ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.</i>   |

|    |                            |  |   |  |        |   |
|----|----------------------------|--|---|--|--------|---|
| 15 | 1.002286.000<br>.00.00.H34 | Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.       | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.  |
| 16 | 1.000660.000<br>.00.00.H34 | Công bố đưa bến xe khách vào khai thác   | Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;<br>- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải<br>- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải. |
| 17 | 1.000672.000<br>.00.00.H34 | Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác   | Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;<br>- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ GTVT<br>- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ GTVT.                             |
| 18 | 1.002889.000<br>.00.00.H34 | Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác   | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định    | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không  | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải.  |
| 19 | 1.002883.000<br>.00.00.H34 | Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác   | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định    | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải .   |

|    |                            |  |  |  |        |   |
|----|----------------------------|--|--|--|--------|---|
| 20 | 1.001777.000<br>.00.00.H34 | Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô  | Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.  |
| 21 | 1.005210.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.  |
| 22 | 1.004995.000<br>.00.00.H34 | Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động  | Không 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải.           |
| 23 | 1.004987.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động   | - Đối với trường hợp có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Không quá 10 ngày làm việc<br>- Đối với trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung giấy chứng nhận: Không quá 03 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải. |

|    |                            |  |   |  |        |  |
|----|----------------------------|--|---|--|--------|--|
| 24 | 1.001735.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy phép xe tập lái   | Không quá 01 ngày làm việc  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.   |
| 25 | 1.001751.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy phép xe tập lái   | Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.               | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.   |
| 26 | 1.001765.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe   | 03 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả tập huấn.                           | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;<br>- Văn bản số 4515/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 26/7/2017 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. |
| 27 | 1.001648.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo | Không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không. | - Luật Giao thông đường bộ 2008;<br>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.   |
| 28 | 1.004993.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy  | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt                             | Trung tâm Phục vụ hành chính công      | Không. | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;  |

|    |                        |   |  |  |  |   |
|----|------------------------|---|--|--|--|---|
|    |                        | thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe) | kết quả kiểm tra.  | tỉnh                                   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</li> </ul>  |
| 29 | 1.002835.000.00.00.H34 | Cấp mới Giấy phép lái xe  | Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch. | Nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo lái xe | <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép</li> <li>b) Lệ phí sát hạch lái xe mô tô (hạng A1; A2; A3; A4): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết : 40.000 đồng/1 lần sát hạch;</li> <li>- Thực hành : 50.000 đồng/1 lần sát hạch</li> </ul> </li> <li>c) Lệ phí sát hạch lái xe ô tô (hạng B1; B2; C; D; F): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết: 90.000 đồng/1 lần sát hạch.</li> <li>- Thực hành lái xe trong hình: 300.000</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |

|    |                        |                          |  |   |   |   |
|----|------------------------|--------------------------|--|---|---|---|
|    |                        |                          |  |   | <p>đồng/1 lần sát hạch.</p> <p>- Thực hành lái xe trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/1 lần sát hạch.</p>  |   |
| 30 | 1.002820.000.00.00.H34 | Cấp lại Giấy phép lái xe | <p>- Đối với trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.</p> <p>- Đối với trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng: Sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, được xét cấp lại giấy phép lái xe. Được cấp lại giấy phép lái xe sau 10 ngày làm việc kể từ ngày được xét cấp lại.</p> <p>- Đối với trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: Sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, được xét đưa vào danh</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | <p>- Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép;</p> <p>- Phí sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần;</p> <p>- Phí sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần;</p> <p>- Phí sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần</p> | <p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> |

|    |                            |  |   |  |   |   |
|----|----------------------------|--|---|--|---|---|
|    |                            |  | sách dự sát lại. Được cấp lại giấy phép lái xe sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi đạt. |  |   |   |
| 31 | 1.002809.000<br>.00.00.H34 | Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp | Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.                  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại các điểm phục vụ đổi giấy phép lái xe thuộc Bru điện tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gplx.gov.vn">https://dichvucong.gplx.gov.vn</a> . | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
| 32 | 1.002804.000<br>.00.00.H34 | Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp    | Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.                  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại các điểm phục vụ đổi giấy phép lái xe thuộc Bru điện tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gplx.gov.vn">https://dichvucong.gplx.gov.vn</a> . | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
| 33 | 1.002801.000<br>.00.00.H34 | Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp            | Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.                  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.  | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-</li> </ul>   |

|    |                            |   |   |   |  |   |
|----|----------------------------|---|---|---|--|---|
|    |                            |   |   |   | đồng/giấy<br>phép.   | <i>BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</i>                         |
| 34 | 1.002793.000<br>.00.00.H34 | Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam | Không quá 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum  | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép.                          | - <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> |
| 35 | 1.002796.000<br>.00.00.H34 | Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp  | Không quá 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép.                          | - <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> |
| 36 | 1.001919.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng   | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.                        | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện. | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>                              |



|    |                            |   |  |   |  |   |
|----|----------------------------|---|--|---|--|---|
| 37 | 2.000847.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất    | Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký: 50.000 đồng/lần;</li> <li>- Lệ phí cấp biển số đăng ký: 150.000 đồng/lần.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |
| 38 | 2.000881.000<br>.00.00.H34 | Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký: 50.000 đồng/lần.</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
| 39 | 1.001896.000<br>.00.00.H34 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: 03 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng /lần /phương tiện</li> <li>- Lệ phí đóng lại số khung, số máy 50.000 đồng/lần/ phương tiện</li> <li>- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>  |

|    |                            |   |   |   | đồng/lần/<br>phương tiện.   |   |
|----|----------------------------|---|---|---|---|---|
| 40 | 1.001994.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến | 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | Lệ phí cấp Giấy chứng nhận và Biên số xe máy chuyên dùng: 200.000 đồng/lần/phương tiện. | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 41 | 1.001826.000<br>.00.00.H34 | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng                         | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum  | Không.  | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 42 | 2.000872.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn                 | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Mức thu: 50.000 đồng/lần.                           | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 43 | 1.002030.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu                     | 08 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. | - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Mức thu: 50.000 đồng/lần<br>- Lệ phí cấp          | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ            |

|    |                            |   |   |   |   |   |
|----|----------------------------|---|---|---|---|---|
|    |                            |   |   |   | biên số đăng ký. Mức thu: 150.000 đồng/lần. | <i>Tài chính.</i>   |
| 44 | 1.002007.000<br>.00.00.H34 | Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương   | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.   | Không.                                      | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>  |
| 45 | 1.000028.000<br>.00.00.H34 | Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . | Không.                                      | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.</i>   |
| 46 | 1.001046.000<br>.00.00.H34 | Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ   | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.          | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum  | Không.                                      | - <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</i><br>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải</i><br>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</i><br>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận.</i> |

|    |                            |  |  |  |        |  |
|----|----------------------------|--|--|--|--------|--|
| 47 | 1.000583.000<br>.00.00.H34 | Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ  | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum   | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải.</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải.</li> </ul>   |
| 48 | 2.001921.000<br>.00.00.H34 | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
| 49 | 2.001919.000<br>.00.00.H34 | Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;  | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</li> </ul>  |

|    |                        |  |  |  |        |   |
|----|------------------------|--|--|--|--------|---|
|    |                        | vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác   |  | hoặc tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
| 50 | 1.001035.000.00.00.H34 | Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum   | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải.</li> </ul>                |
| 51 | 2.001915.000.00.00.H34 | Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian giải quyết: Trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn;</li> <li>- Thời gian gia hạn: Chỉ thực hiện việc gia hạn 01</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum   | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao</li> </ul>  |

|    |                            |   |  |  |        |   |
|----|----------------------------|---|--|--|--------|---|
|    |                            | dụng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải | lần với thời gian không quá 12 tháng.                    |  |        | <p><i>thông Vận tải;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</i></li> </ul>   |
| 52 | 1.001061.000<br>.00.00.H34 | Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải.</i></li> </ul> |
| 53 | 1.001087.000<br>.00.00.H34 | Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác   | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của</i></li> </ul>  |

|    |                        |   |  |   |        |  |
|----|------------------------|---|--|---|--------|--|
|    |                        |   |  |   |        | <p><i>Bộ Giao thông Vận tải</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải.</li> </ul>   |
| 54 | 1.000314.000.00.00.H34 | Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ   | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải.</li> </ul>   |
| 55 | 2.001963.000.00.00.H34 | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 07 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>Không tính thời gian kiểm tra hiện trường</i>) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 KV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết</li> </ul> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> .     | Không. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày</li> </ul> |

|              |   |   |   |   |                                      |  |
|--------------|---|---|---|---|--------------------------------------|--|
|              |   |   | cầu hạ tầng giao thông đường bộ.<br>- Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc. |   |                                      | 30/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.  |
| <b>III</b>   | <b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa: 11 TTHC</b>         |   |   |   |                                      |  |
| <b>III.1</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh thực hiện</b>        |   |   |   |                                      |  |
| 1            | 1.009454.000<br>.00.00.H34                          | Công bố hoạt động bến thủy nội địa  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . | Phí: 100.000 đồng/giấy phép          | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.   |
| 2            | 1.003658.000<br>.00.00.H34                          | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . | Phí: 100.000 đồng/lần                | - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.   |
| <b>III.2</b> | <b>Thủ tục hành chính thực hiện đồng thời 3 cấp</b> |   |   |   |                                      |  |
| 1            | 2.001711.000<br>.00.00.H34                          | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a> . | Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận. | - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải. |
| 2            | 1.004036.000<br>.00.00.H34                          | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan                            | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính  | Lệ phí: 70.000 đồng/lần.             | - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-   |



|   |                            |   |  |   |   |   |
|---|----------------------------|---|--|---|---|---|
|   |                            | đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa  |  | công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện  |   | <i>BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i>  |
| 3 | 1.004047.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa  | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện | Lệ phí:<br>70.000 đồng/Giấy chứng nhận. | - <i>Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</i><br>- <i>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i> |
| 4 | 1.004002.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện | Lệ phí:<br>70.000đ/lần                  | - <i>Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</i><br>- <i>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i> |
| 5 | 1.004088.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                    | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận  | Lệ phí:<br>70.000 đ/Giấy chứng nhận.    | - <i>Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</i><br>- <i>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của</i>                        |

|   |                            |   |  |   |                                      |   |
|---|----------------------------|---|--|---|--------------------------------------|---|
|   |                            |   |  | Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện  |                                      | <i>Bộ Giao thông vận tải.</i>   |
| 6 | 1.003930.000<br>.00.00.H34 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện   | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.                           | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện | Lệ phí:<br>70.000đ/Giấy chứng nhận.  | - <i>Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</i><br>- <i>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i> |
| 7 | 1.003970.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.                           | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện | Lệ phí:<br>70.000đ/ Giấy chứng nhận. | - <i>Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</i><br>- <i>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i> |
| 8 | 2.001659.000<br>.00.00.H34 | Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện   | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | - Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh<br>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện | Không.                               | - <i>Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</i><br>- <i>Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i>   |

|   |                            |   |  |   |   |  |
|---|----------------------------|---|--|---|---|--|
| 9 | 1.006391.000<br>.00.00.H34 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cấp tỉnh: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</li> <li>- Đối với cấp Xã, cấp Huyện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện</li> </ul> | Lệ phí:<br>70.000đ/<br>Giấy chứng nhận. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |
|---|----------------------------|---|--|---|---|--|

**Tổng công: 72 thủ tục hành chính**

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH**

**I. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM: 06 THỦ TỤC**

**01. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện trực tiếp nộp hồ sơ kiểm định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 99 Huỳnh Thúc Kháng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Cơ quan nghiệm thu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả nghiệm thu;</p> <p><b>Bước 3:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup> và 13<sup>h</sup>; ; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo (<i>theo mẫu</i>).</li><li>- Thiết kế đã được thẩm định.</li><li>- Đối với trường hợp miễn thiết kế như: Lắp thêm hoặc tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý của xe ô tô PICKUP nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe; Xe ô tô tải tự đổ và xe ô tô xi téc nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, cải tạo trước ngày 01 tháng 11 năm 2014 có nhu cầu tự nguyện cắt giảm thể tích thùng hàng, xi téc để phù hợp quy định tại Thông tư 42/2014/TT-BGTVT; Cải tạo thay đổi vị trí các</li></ul>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>trục, cụm trục, chốt kéo đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 đối với sơ mi rơ moóc tải (trừ sơ mi rơ moóc tải tự đổ) và sơ mi rơ moóc chờ công-ten-nơ có khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn khối lượng toàn bộ theo thiết kế) phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo;</li> <li>- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo;</li> <li>- Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định.</li> </ul> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ kiểm định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Trung tâm đăng kiểm 82.01S Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận.   |
| <b>Phí, Phí, Lệ phí:</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí kiểm định. Mức thu: Có phụ lục kèm theo;</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận. Mức thu: có phụ lục kèm theo</li> </ul>   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo (<i>phụ lục VII, Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014</i>).</li> <li>- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới (<i>phụ lục VIII, Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014</i>);</li> </ul>  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li> <li>- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Hướng dẫn số 650/ĐKVN-VAR ngày 02/03/2015 của Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn thực hiện Thông tư 85/2014/TT-BGTVT.</li> </ul>  |

**PHỤ LỤC VII****MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**(CƠ SỞ CẢI TẠO)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

*(Cơ sở cải tạo)* đề nghị *(cơ quan nghiệm thu .....*) kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe cơ giới cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhân hiệu - số loại:

2. Căn cứ thi công cải tạo: Thiết kế có ký hiệu ..... của (Cơ sở thiết kế) đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo số ..... ngày ../.../.....

3. Nội dung thi công cải tạo:

*(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

*(Cơ sở cải tạo)* xin chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thi công trên xe cơ giới cải tạo.

**CƠ SỞ CẢI TẠO***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC VIII**

**MẪU BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ MỚI**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**(CƠ SỞ CẢI TẠO)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày tháng năm

**BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ MỚI**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu - số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Ký hiệu thiết kế: .....

| TT    | Tổng thành, hệ thống                      | Nguồn gốc |             |                               | Nơi sản xuất <sup>(2)</sup> | Số Giấy chứng nhận <sup>(3)</sup> |
|-------|---|-----------|-------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|
|       |   | Nhập khẩu | Tự sản xuất | Mua trong nước <sup>(1)</sup> |                             |                                   |
| 1.    | Động cơ                                   |           |             |                               |                             |                                   |
| 1.1   | ...                                       |           |             |                               |                             |                                   |
| 2.    | Hệ thống lái                              |           |             |                               |                             |                                   |
| 3.    | Hệ thống phanh                            |           |             |                               |                             |                                   |
| 3.1   | Bình khí nén                              |           |             |                               |                             |                                   |
| 3.2   | ...                                       |           |             |                               |                             |                                   |
| 4.    | Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu |           |             |                               |                             |                                   |
| 4.1   | Đèn chiếu sáng phía trước                 |           |             |                               |                             |                                   |
| 4.2   | .....                                     |           |             |                               |                             |                                   |
| ..... |   |           |             |                               |                             |                                   |

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.

<sup>(2)</sup> Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ Cơ sở sản xuất.

<sup>(3)</sup> Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có Giấy chứng nhận.

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI, THIẾT BỊ VÀ XE MÁY CHUYÊN DÙNG ĐANG LƯU HÀNH; ĐÁNH GIÁ, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ KIỂM TRA XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**I. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành**

1. Biểu 1:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe*

| <b>TT</b> | <b>Loại xe cơ giới</b>  | <b>Mức giá</b> |
|-----------|---|----------------|
| 1         | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng | 560            |
| 2         | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo    | 350            |
| 3         | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 2 tấn đến 7 tấn   | 320            |
| 4         | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 2 tấn  | 280            |
| 5         | Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự  | 180            |
| 6         | Rơ moóc, sơ mi rơ moóc  | 180            |
| 7         | Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt   | 350            |
| 8         | Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)   | 320            |
| 9         | Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)   | 280            |
| 10        | Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương  | 240            |
| 11        | Xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự  | 100            |

2. Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 1.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% giá quy định tại Biểu 1.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Kiểm định xe cơ giới để cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% giá quy định tại Biểu 1.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định tại Biểu 1.

**II. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với**



**thiết bị, xe máy chuyên dùng đang lưu hành**

## 1. Biểu 2

Đơn vị tính: 1.000 đồng/chiếc

| TT         | Loại thiết bị kiểm định  | Mức giá |         |
|------------|--|---------|---------|
|            |  | Lần đầu | Định kỳ |
| <b>I</b>   | <b>Máy làm đất và vật liệu</b>   |         |         |
| 1          | Máy ủi công suất đến 100 mã lực  | 340     | 270     |
| 2          | Máy ủi công suất từ 101 đến 200 mã lực   | 420     | 340     |
| 3          | Máy ủi công suất trên 200 mã lực   | 500     | 400     |
| 4          | Máy san công suất đến 130 mã lực   | 450     | 365     |
| 5          | Máy san công suất trên 130 mã lực  | 530     | 420     |
| 6          | Máy cạp thể tích thùng chứa đến 24m <sup>3</sup>   | 500     | 410     |
| 7          | Máy cạp thể tích thùng chứa trên 24m <sup>3</sup>  | 600     | 480     |
| 8          | Máy đào rãnh; máy đào, cào vận chuyển vật liệu; máy phá dỡ; máy búa phá dỡ; máy xếp dỡ, máy kẹp; Máy xúc, đào, xúc đào thể tích gầu đến 1m <sup>3</sup> (*)                                  | 560     | 450     |
| 9          | Máy xúc, đào, xúc đào thể tích gầu trên 1m <sup>3</sup> (*)  | 670     | 530     |
| <b>II</b>  | <b>Xe, máy thiết bị gia cố nền móng, mặt đường</b>   |         |         |
| 1          | Máy khoan  | 500     | 410     |
| 2          | Máy khoan cọc nhồi   | 560     | 450     |
| 3          | Máy đóng cọc; máy đóng, nhỏ cọc hộ lan đường bộ  | 560     | 450     |
| 4          | Máy rải đá sỏi   | 390     | 310     |
| 5          | Hệ thống ép cọc thủy lực   | 280     | 230     |
| 6          | Máy ép cọc bắc thâm  | 530     | 420     |
| 7          | Xe lu bánh thép đến 5 tấn  | 340     | 270     |
| 8          | Xe lu bánh thép trên 5 tấn   | 390     | 310     |
| 9          | Xe lu bánh lốp   | 390     | 310     |
| 10         | Xe lu chân cừ; lu bánh hỗn hợp; lu rung; xe tạo xung chấn  | 340     | 270     |
| 11         | Máy rải bê tông các loại công suất đến 90 mã lực (67kW)  | 450     | 360     |
| 12         | Máy rải bê tông các loại công suất trên 90 mã lực (67kW)   | 530     | 420     |
| 13         | Máy cào bóc mặt đường; Máy cào bóc và tái chế nguội mặt đường ; máy gia cố bề mặt đường  | 390     | 310     |
| <b>III</b> | <b>Xe, máy và thiết bị sản xuất bê tông và vật liệu cho bê tông</b>  |         |         |
| 1          | Máy bơm bê tông; xe bơm bê tông, phun bê tông  | 340     | 270     |
| 2          | Máy nghiền đá và vận chuyển băng tải; máy nghiền, sàng đá năng suất nghiền đến 25m <sup>3</sup> /h; máy cắt đá   | 420     | 340     |
| 3          | Máy nghiền đá và vận chuyển băng tải; máy nghiền, sàng đá năng suất nghiền trên 25m <sup>3</sup> /h  | 560     | 450     |
| <b>IV</b>  | <b>Các loại xe máy chuyên dùng phục vụ trong sân golf, khu giải trí</b>  |         |         |
|            | Xe địa hình, xe chở hàng, xe phục vụ giải khát trong sân golf, xe lu cỏ trong sân golf, xe phun, tưới dùng trong sân golf, xe phun, tưới chất lỏng, xe san cát trong sân golf, khu giải trí. | 280     | 180     |
| <b>V</b>   | <b>Các loại xe máy chuyên dùng khác</b>  |         |         |
| 1          | Xe quét, chà sàn; xe chở hàng trong nhà xưởng  | 280     | 180     |

|            |   |       |       |
|------------|---|-------|-------|
| 2          | Xe sơn kẻ đường, xe quét đường, nhà xưởng; xe chuyên dùng trộn rác, khai thác gỗ, chở vật liệu các loại | 560   | 450   |
| 3          | Xe tự đổ bánh lốp, bánh xích  | 560   | 450   |
| 4          | Xe kéo, máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia giao thông   | 390   | 310   |
| <b>VI</b>  | <b>Các loại thiết bị nâng: cần trục, xe nâng, cần cẩu có sức nâng (**)</b>                              |       |       |
| 1          | Dưới 1 tấn  | 700   | 700   |
| 2          | Từ 1 tấn đến 3 tấn  | 840   | 840   |
| 3          | Trên 3 tấn đến 5 tấn  | 1.120 | 1.120 |
| 4          | Trên 5 tấn đến 7,5 tấn  | 1.400 | 1.400 |
| 5          | Trên 7,5 tấn đến 10 tấn   | 2.100 | 2.100 |
| 6          | Trên 10 tấn đến 15 tấn  | 2.380 | 2.380 |
| 7          | Trên 15 tấn đến 20 tấn  | 2.800 | 2.800 |
| 8          | Trên 20 tấn đến 30 tấn  | 3.500 | 3.500 |
| 9          | Trên 30 tấn đến 50 tấn  | 3.780 | 3.780 |
| 10         | Trên 50 tấn đến 75 tấn  | 4.200 | 4.200 |
| 11         | Trên 75 tấn đến 100 tấn   | 4.900 | 4.900 |
| 12         | Trên 100 tấn  | 5.600 | 5.600 |
| <b>VII</b> | <b>Các loại xi téc, bình nhiên liệu CNG, LPG (***)</b>  |       |       |
| 1          | Đến 0,3 m <sup>3</sup>  | 530   | 130   |
| 2          | Trên 0,3 m <sup>3</sup> đến 1,0 m <sup>3</sup>  | 540   | 160   |
| 3          | Trên 1,0 m <sup>3</sup> đến 2,5 m <sup>3</sup>  | 570   | 210   |
| 4          | Trên 2,5 m <sup>3</sup> đến 5,0 m <sup>3</sup>  | 590   | 260   |
| 5          | Trên 5,0 m <sup>3</sup> đến 10 m <sup>3</sup>   | 620   | 320   |
| 6          | Trên 10m <sup>3</sup>   | 700   | 410   |

(\*) Thể tích gầu được tính là thể tích của gầu lớn nhất;

(\*\*) Đối với các loại thiết bị nâng, nếu chỉ kiểm định phần di chuyển thì giá thu bằng 40% mức giá quy định tại Biểu 2; nếu chỉ kiểm định phần nâng thì giá thu bằng 60% mức giá quy định tại Biểu 2;

(\*\*\*) Đối với các loại bình xi téc, bình nhiên liệu CNG, LPG có chu kỳ kiểm tra từ 1 năm trở lên, giá được tính là mức giá định kỳ hàng năm nhân với số năm trong chu kỳ kiểm tra.

**Ghi chú:** Đối với loại thiết bị, xe máy chuyên dùng có nhiều tính năng thì giá chỉ tính đối với tính năng có mức giá cao nhất.

2. Những thiết bị, xe máy chuyên dùng kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại những hạng mục không đạt tiêu chuẩn. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 2.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 2.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Trường hợp có thiết bị, xe máy chuyên dùng khác chưa được quy định trong biểu giá này thì căn cứ vào quy định của Nhà nước để các bên liên quan thống nhất mức giá

kiểm định cụ thể theo nguyên tắc đảm bảo hài hoà lợi ích của các bên.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thoả thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định tại Biểu 2.

### III. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong cải tạo

1. Biểu 3a:  
đồng/chiếc

Đơn vị tính: 1.000

| TT | Nội dung thẩm định thiết kế   | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo                                     | 300     |
| 2  | Soát xét hồ sơ cho phép thi công cải tạo lần tiếp theo đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng | 150     |

2. Biểu 3b:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe

| TT | Nội dung nghiệm thu cải tạo  | Mức giá |
|----|--|---------|
| 1  | Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng | 910     |
| 2  | Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng             | 560     |

### IV. Mức giá dịch vụ đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

1. Biểu 4

Đơn vị tính: 1.000 đồng/thiết bị

| TT | Nội dung công việc                                | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới | 450     |

2. Trường hợp thiết bị khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn của nhà chế tạo, phải sửa chữa, hiệu chỉnh và đánh giá, hiệu chuẩn lại hoặc thiết bị kiểm tra hư hỏng đột xuất phải sửa chữa và đánh giá, hiệu chuẩn trước thời hạn, giá đánh giá, hiệu chuẩn lại được tính như giá định quy định tại Biểu 4./.

### BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT ĐỐI VỚI MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính)

| TT | Nội dung các khoản thu  | Mức thu (đồng/giấy) |
|----|---|---------------------|
| 1  | Giấy chứng nhận cấp theo quy định của công ước quốc tế hoặc theo tiêu chuẩn, quy phạm Việt Nam cho tàu biển, công trình biển.   | 50.000              |
| 2  | Giấy chứng nhận xét duyệt thiết kế phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa.  | 20.000              |
| 3  | - Giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng và an toàn cấp cho thiết bị nâng, nồi hơi, bình chịu áp lực, container, vật liệu, máy móc, thiết bị đặt lên tàu thủy, dàn khoan, các phương tiện giao thông vận tải khác.<br>- Giấy chứng nhận cơ sở chế tạo trạm thử, phòng thí nghiệm. | 50.000              |

| TT | Nội dung các khoản thu  | Mức thu<br>(đồng/giấy) |
|----|---|------------------------|
| 4  | Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc hoán cải); Giấy chứng nhận bảo đảm kỹ thuật, chất lượng và an toàn cấp cho xe cơ giới, xe, máy thi công và linh kiện.<br>- Riêng ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương). | 50.000<br><br>100.000  |
| 5  | Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới (cấp cho các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới).  | 100.000                |
| 6  | Giấy chứng nhận thợ hàn, đăng kiểm viên   | 20.000                 |
| 7  | Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt .  | 50.000                 |

**02. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện trực tiếp nộp hồ sơ kiểm định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.<br/>         - Địa chỉ: 99 Huỳnh Thúc kháng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Cán bộ phụ trách tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ kiểm định. Nếu hồ sơ kiểm định hợp lệ thì cán bộ phụ trách tiếp nhận đồng thời thu phí kiểm định theo quy định và giải quyết ngay, trường hợp hồ sơ kiểm định còn thiếu cán bộ phụ trách hướng dẫn cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Cán bộ đăng kiểm viên tiếp nhận phương tiện từ cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện để đưa xe vào dây chuyền kiểm định. Nếu phương tiện đạt thì nhân viên nghiệp vụ trong dây chuyền kiểm định in kết quả kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật &amp; bảo vệ môi trường và thu lệ phí cấp giấy chứng nhận tại phòng 1 cửa, nếu phương tiện chưa đạt thì Trưởng dây chuyền thông báo cho chủ phương tiện hoặc lái xe biết những hạng mục không đạt của phương tiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p><b>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b><br/> <b>* Kiểm định lần đầu:</b><br/>         - Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe;<br/>         - Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;<br/>         - Nộp giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; Bản sao có chứng thực quyết định tịch thu bán đấu giá của cấp có thẩm quyền đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá; Bản sao có chứng thực quyết định thanh lý đối với xe cơ giới của lực lượng quốc phòng, công an; Bản sao có chứng thực quyết định bán xe dự trữ Quốc gia;</p>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>- Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKTK và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).</p> <p><b>* Kiểm định các lần tiếp theo:</b> Khi đưa xe cơ giới đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định, chủ xe cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:</p> <p>- Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe;</p> <p>- Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;</p> <p>- Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKTK và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).</p> <p>- Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.</p> <p><b>b. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Trong ngày làm việc, sau khi kiểm tra đạt yêu cầu.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Trung tâm đăng kiểm 82.01S Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận và Tem kiểm định   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | <p>- Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành. Mức thu: có phụ lục kèm theo.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải. Mức thu: có phụ lục kèm theo.</p>   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Không  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 9/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>  |

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI, THIẾT BỊ VÀ XE MÁY CHUYÊN DÙNG ĐANG LƯU HÀNH; ĐÁNH GIÁ, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ KIỂM TRA XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)*

**I. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành**

1. Biểu 1:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe*

| TT | Loại xe cơ giới   | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng | 560     |
| 2  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo    | 350     |
| 3  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 2 tấn đến 7 tấn   | 320     |
| 4  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 2 tấn  | 280     |
| 5  | Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự  | 180     |
| 6  | Rơ moóc, sơ mi rơ moóc  | 180     |
| 7  | Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt   | 350     |
| 8  | Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)   | 320     |
| 9  | Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)   | 280     |
| 10 | Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương  | 240     |
| 11 | Xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự  | 100     |

2. Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 1.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% giá quy định tại Biểu 1.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Kiểm định xe cơ giới để cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% giá quy định tại Biểu 1.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định tại Biểu 1.

**II. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với thiết bị, xe máy chuyên dùng đang lưu hành.**

1. Biểu 2  
đồng/chiếc

Đơn vị tính: 1.000

| TT         | Loại thiết bị kiểm định  | Mức giá |         |
|------------|--|---------|---------|
|            |  | Lần đầu | Định kỳ |
| <b>I</b>   | <b>Máy làm đất và vật liệu</b>   |         |         |
| 1          | Máy ủi công suất đến 100 mã lực  | 340     | 270     |
| 2          | Máy ủi công suất từ 101 đến 200 mã lực   | 420     | 340     |
| 3          | Máy ủi công suất trên 200 mã lực   | 500     | 400     |
| 4          | Máy san công suất đến 130 mã lực   | 450     | 365     |
| 5          | Máy san công suất trên 130 mã lực  | 530     | 420     |
| 6          | Máy cạp thể tích thùng chứa đến 24m <sup>3</sup>   | 500     | 410     |
| 7          | Máy cạp thể tích thùng chứa trên 24m <sup>3</sup>  | 600     | 480     |
| 8          | Máy đào rãnh; máy đào, cào vận chuyển vật liệu; máy phá dỡ; máy búa phá dỡ; máy xếp dỡ, máy kẹp; Máy xúc, đào, xúc đào thể tích gầu đến 1m <sup>3</sup> (*)                                  | 560     | 450     |
| 9          | Máy xúc, đào, xúc đào thể tích gầu trên 1m <sup>3</sup> (*)  | 670     | 530     |
| <b>II</b>  | <b>Xe, máy thiết bị gia cố nền móng, mặt đường</b>   |         |         |
| 1          | Máy khoan  | 500     | 410     |
| 2          | Máy khoan cọc nhồi   | 560     | 450     |
| 3          | Máy đóng cọc; máy đóng, nhỏ cọc hộ lan đường bộ  | 560     | 450     |
| 4          | Máy rải đá sỏi   | 390     | 310     |
| 5          | Hệ thống ép cọc thủy lực   | 280     | 230     |
| 6          | Máy ép cọc bác thâm  | 530     | 420     |
| 7          | Xe lu bánh thép đến 5 tấn  | 340     | 270     |
| 8          | Xe lu bánh thép trên 5 tấn   | 390     | 310     |
| 9          | Xe lu bánh lốp   | 390     | 310     |
| 10         | Xe lu chân cừu; lu bánh hỗn hợp; lu rung; xe tạo xung chấn   | 340     | 270     |
| 11         | Máy rải bê tông các loại công suất đến 90 mã lực (67kW)  | 450     | 360     |
| 12         | Máy rải bê tông các loại công suất trên 90 mã lực (67kW)   | 530     | 420     |
| 13         | Máy cào bóc mặt đường; Máy cào bóc và tái chế nguội mặt đường ; máy gia cố bề mặt đường  | 390     | 310     |
| <b>III</b> | <b>Xe, máy và thiết bị sản xuất bê tông và vật liệu cho bê tông</b>  |         |         |
| 1          | Máy bơm bê tông; xe bơm bê tông, phun bê tông  | 340     | 270     |
| 2          | Máy nghiền đá và vận chuyển băng tải; máy nghiền, sàng đá năng suất nghiền đến 25m <sup>3</sup> /h; máy cắt đá   | 420     | 340     |
| 3          | Máy nghiền đá và vận chuyển băng tải; máy nghiền, sàng đá năng suất nghiền trên 25m <sup>3</sup> /h  | 560     | 450     |
| <b>IV</b>  | <b>Các loại xe máy chuyên dùng phục vụ trong sân golf, khu giải trí</b>  |         |         |
|            | Xe địa hình, xe chở hàng, xe phục vụ giải khát trong sân golf, xe lu cỏ trong sân golf, xe phun, tưới dùng trong sân golf, xe phun, tưới chất lỏng, xe san cát trong sân golf, khu giải trí. | 280     | 180     |
| <b>V</b>   | <b>Các loại xe máy chuyên dùng khác</b>  |         |         |
| 1          | Xe quét, chà sàn; xe chở hàng trong nhà xưởng  | 280     | 180     |
| 2          | Xe sơn kẻ đường, xe quét đường, nhà xưởng; xe chuyên dùng trộn rác, khai thác gỗ, chở vật liệu các loại  | 560     | 450     |



|   |   |       |       |
|---|---|-------|-------|
| 3   | Xe tự đổ bánh lốp, bánh xích                                | 560   | 450   |
| 4   | Xe kéo, máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia giao thông | 390   | 310   |
| <b>VI Các loại thiết bị nâng: cần trục, xe nâng, cần cầu có sức nâng (**)</b> |   |       |       |
| 1   | Dưới 1 tấn  | 700   | 700   |
| 2   | Từ 1 tấn đến 3 tấn  | 840   | 840   |
| 3   | Trên 3 tấn đến 5 tấn  | 1.120 | 1.120 |
| 4   | Trên 5 tấn đến 7,5 tấn                                      | 1.400 | 1.400 |
| 5   | Trên 7,5 tấn đến 10 tấn                                     | 2.100 | 2.100 |
| 6   | Trên 10 tấn đến 15 tấn                                      | 2.380 | 2.380 |
| 7   | Trên 15 tấn đến 20 tấn                                      | 2.800 | 2.800 |
| 8   | Trên 20 tấn đến 30 tấn                                      | 3.500 | 3.500 |
| 9   | Trên 30 tấn đến 50 tấn                                      | 3.780 | 3.780 |
| 10  | Trên 50 tấn đến 75 tấn                                      | 4.200 | 4.200 |
| 11  | Trên 75 tấn đến 100 tấn                                     | 4.900 | 4.900 |
| 12  | Trên 100 tấn  | 5.600 | 5.600 |
| <b>VII Các loại xi téc, bình nhiên liệu CNG, LPG (***)</b>                    |   |       |       |
| 1   | Đến 0,3 m <sup>3</sup>                                      | 530   | 130   |
| 2   | Trên 0,3 m <sup>3</sup> đến 1,0 m <sup>3</sup>              | 540   | 160   |
| 3   | Trên 1,0 m <sup>3</sup> đến 2,5 m <sup>3</sup>              | 570   | 210   |
| 4   | Trên 2,5 m <sup>3</sup> đến 5,0 m <sup>3</sup>              | 590   | 260   |
| 5   | Trên 5,0 m <sup>3</sup> đến 10 m <sup>3</sup>               | 620   | 320   |
| 6   | Trên 10m <sup>3</sup>                                       | 700   | 410   |

(\*) Thể tích gàu được tính là thể tích của gàu lớn nhất;

(\*\*) Đối với các loại thiết bị nâng, nếu chỉ kiểm định phần di chuyển thì giá thu bằng 40% mức giá quy định tại Biểu 2; nếu chỉ kiểm định phần nâng thì giá thu bằng 60% mức giá quy định tại Biểu 2;

(\*\*\*) Đối với các loại bình xi téc, bình nhiên liệu CNG, LPG có chu kỳ kiểm tra từ 1 năm trở lên, giá được tính là mức giá định kỳ hàng năm nhân với số năm trong chu kỳ kiểm tra.

**Ghi chú:** Đối với loại thiết bị, xe máy chuyên dùng có nhiều tính năng thì giá chỉ tính đối với tính năng có mức giá cao nhất.

2. Những thiết bị, xe máy chuyên dùng kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại những hạng mục không đạt tiêu chuẩn. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 2.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 2.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Trường hợp có thiết bị, xe máy chuyên dùng khác chưa được quy định trong biểu giá này thì căn cứ vào quy định của Nhà nước để các bên liên quan thống nhất mức giá kiểm định cụ thể theo nguyên tắc đảm bảo hài hoà lợi ích của các bên.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ

chức, cá nhân được thu với mức giá thoả thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định tại Biểu 2.

### III. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong cải tạo

1. Biểu 3a:

*Đơn vị tính: 1.000*

*đồng/chiếc*

| TT | Nội dung thẩm định thiết kế   | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo                                     | 300     |
| 2  | Soát xét hồ sơ cho phép thi công cải tạo lần tiếp theo đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng | 150     |

2. Biểu 3b:

*Đơn vị tính: 1.000*

*đồng/xe*

| TT | Nội dung nghiệm thu cải tạo  | Mức giá |
|----|--|---------|
| 1  | Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng | 910     |
| 2  | Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng             | 560     |

### IV. Mức giá dịch vụ đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

1. Biểu 4

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/thiết bị*

| TT | Nội dung công việc                                | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới | 450     |

2. Trường hợp thiết bị khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn của nhà chế tạo, phải sửa chữa, hiệu chỉnh và đánh giá, hiệu chuẩn lại hoặc thiết bị kiểm tra hư hỏng đột xuất phải sửa chữa và đánh giá, hiệu chuẩn trước thời hạn, giá đánh giá, hiệu chuẩn lại được tính như giá định quy định tại Biểu 4.

**BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ**

(kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| Số TT | Nội dung các khoản thu  | Mức thu (đồng/giấy)   |
|-------|---|-----------------------|
| 1     | Giấy chứng nhận cấp theo quy định của công ước quốc tế hoặc theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho tàu biển, công trình biển.   | 50.000                |
| 2     | Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa.  | 50.000                |
| 3     | Giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng và an toàn cấp cho thiết bị nâng, nồi hơi, bình chịu áp lực, Container, vật liệu, máy móc, thiết bị lắp đặt trên tàu thủy, công trình biển và các phương tiện giao thông vận tải khác.   | 50.000                |
| 4     | <p>- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương).</p> | 50.000<br><br>100.000 |
| 5     | Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt; Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt.  | 50.000                |

**03. Thủ tục: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân là lái xe (xe chuyên dùng) hoặc chủ phương tiện hoàn thiện hồ sơ kiểm tra theo quy định và nộp hồ sơ kiểm định trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.<br/>         - Địa chỉ: 99 Huỳnh Thúc Kháng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Cán bộ Trung tâm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thông nhất thời gian và địa điểm kiểm tra (đối với Xe yêu cầu kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra).</p> <p><b>Bước 3:</b> Khi tới ngày hẹn cán bộ đăng kiểm viên cùng chủ phương tiện hoặc lái xe đi tới địa điểm xe máy chuyên dùng đang chờ kiểm định. Chủ phương tiện hoặc lái xe nộp tiền kiểm định xe máy chuyên dùng tại phòng 1 cửa Trung tâm Đăng kiểm theo đúng quy định. Qua kiểm tra nếu phương tiện đạt thì nhân viên nghiệp vụ in kết quả kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, nếu phương tiện chưa đạt thì đăng kiểm viên thông báo ngay cho chủ phương tiện hoặc lái xe biết những hạng mục không đạt của phương tiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị kiểm tra ATKKT &amp; BVMT Xe trong khai thác, sử dụng (sau đây viết tắt là Giấy đề nghị kiểm tra Xe) sử dụng khi yêu cầu kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra (<i>theo mẫu</i>).</li> <li>- Một trong các tài liệu sau đây đối với Xe kiểm tra lần đầu:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản chính hoặc bản điện tử Chứng chỉ chất lượng;</li> <li>+ Bản sao Phiếu xuất xưởng;</li> <li>+ Bản sao tài liệu kỹ thuật có bản vẽ tổng thể và thông số kỹ thuật cơ bản của Xe hoặc bản đăng ký thông số kỹ thuật Xe do tổ chức, cá nhân lập đối với Xe được nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trước ngày 01 tháng 12 năm 2009 (ngày Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của</li> </ul> </li> </ul>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng có hiệu lực).<br>- Bản chính Giấy chứng nhận cải tạo đối với Xe có cải tạo;<br>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ kiểm định.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Trung tâm đăng kiểm 82.01S Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | - Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. Mức thu: có phụ lục kèm theo;<br>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải. Mức thu: có phụ lục kèm theo.   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Giấy đề nghị kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác sử dụng ( <i>Phụ lục XIX Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, ngày 31/12/2015</i> ).  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Hướng dẫn số 2970/ĐKVN-VAR ngày 30/6/2016 của Cục Đăng kiểm Việt Nam. |

**PHỤ LỤC XIX**  
**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2015/TT- BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG**  
 (Sử dụng khi đề nghị kiểm tra ngoài đơn vị kiểm tra)

Kính gửi: .....

Chủ sở hữu:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị.....đến kiểm tra các loại xe máy chuyên dùng được liệt kê ở bảng sau:

| TT | Loại xe máy chuyên dùng | Biển số đăng ký/Số khung | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Thời gian kiểm tra | Địa điểm kiểm tra |
|----|-------------------------|--------------------------|-----------|---------------|--------------------|-------------------|
|    |                         |                          |           |               |                    |                   |
|    |                         |                          |           |               |                    |                   |

Mọi thông tin xin liên hệ với Ông/Bà ..... theo số điện thoại: .....; số Fax: .....

..... ngày ... tháng ... năm .....

**Người đề nghị**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI, THIẾT BỊ VÀ XE MÁY CHUYÊN DÙNG ĐANG LƯU HÀNH; ĐÁNH GIÁ, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ KIỂM TRA XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)*

**I. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành**

1. Biểu 1:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe*

| TT | Loại xe cơ giới   | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng | 560     |
| 2  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 7 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo    | 350     |
| 3  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 2 tấn đến 7 tấn   | 320     |
| 4  | Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 2 tấn  | 280     |
| 5  | Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự  | 180     |
| 6  | Rơ moóc, sơ mi rơ moóc  | 180     |
| 7  | Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt   | 350     |
| 8  | Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)   | 320     |
| 9  | Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)   | 280     |
| 10 | Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương  | 240     |
| 11 | Xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự  | 100     |

2. Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 1.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% giá quy định tại Biểu 1.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Kiểm định xe cơ giới để cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% giá quy định tại Biểu 1.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định tại Biểu 1.

**II. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với thiết bị, xe máy chuyên dùng đang lưu hành**

## 1. Biểu 2

Đơn vị tính: 1.000 đồng/chiếc

| TT         | Loại thiết bị kiểm định  | Mức giá |         |
|------------|--|---------|---------|
|            |  | Lần đầu | Định kỳ |
| <b>I</b>   | <b>Máy làm đất và vật liệu</b>   |         |         |
| 1          | Máy ủi công suất đến 100 mã lực  | 340     | 270     |
| 2          | Máy ủi công suất từ 101 đến 200 mã lực   | 420     | 340     |
| 3          | Máy ủi công suất trên 200 mã lực   | 500     | 400     |
| 4          | Máy san công suất đến 130 mã lực   | 450     | 365     |
| 5          | Máy san công suất trên 130 mã lực  | 530     | 420     |
| 6          | Máy cạp thể tích thùng chứa đến 24m <sup>3</sup>   | 500     | 410     |
| 7          | Máy cạp thể tích thùng chứa trên 24m <sup>3</sup>  | 600     | 480     |
| 8          | Máy đào rãnh; máy đào, cào vận chuyển vật liệu; máy phá dỡ; máy búa phá dỡ; máy xếp dỡ, máy kẹp; Máy xúc, đào, xúc đào thể tích gầu đến 1m <sup>3</sup> (*)                                  | 560     | 450     |
| 9          | Máy xúc, đào, xúc đào thể tích gầu trên 1m <sup>3</sup> (*)  | 670     | 530     |
| <b>II</b>  | <b>Xe, máy thiết bị gia cố nền móng, mặt đường</b>   |         |         |
| 1          | Máy khoan  | 500     | 410     |
| 2          | Máy khoan cọc nhồi   | 560     | 450     |
| 3          | Máy đóng cọc; máy đóng, nhổ cọc hộ lan đường bộ  | 560     | 450     |
| 4          | Máy rải đá sỏi   | 390     | 310     |
| 5          | Hệ thống ép cọc thủy lực   | 280     | 230     |
| 6          | Máy ép cọc bắc thâm  | 530     | 420     |
| 7          | Xe lu bánh thép đến 5 tấn  | 340     | 270     |
| 8          | Xe lu bánh thép trên 5 tấn   | 390     | 310     |
| 9          | Xe lu bánh lốp   | 390     | 310     |
| 10         | Xe lu chân cừu; lu bánh hỗn hợp; lu rung; xe tạo xung chấn   | 340     | 270     |
| 11         | Máy rải bê tông các loại công suất đến 90 mã lực (67kW)  | 450     | 360     |
| 12         | Máy rải bê tông các loại công suất trên 90 mã lực (67kW)   | 530     | 420     |
| 13         | Máy cào bóc mặt đường; Máy cào bóc và tái chế nguội mặt đường ; máy gia cố bề mặt đường  | 390     | 310     |
| <b>III</b> | <b>Xe, máy và thiết bị sản xuất bê tông và vật liệu cho bê tông</b>  |         |         |
| 1          | Máy bơm bê tông; xe bơm bê tông, phun bê tông  | 340     | 270     |
| 2          | Máy nghiền đá và vận chuyển băng tải; máy nghiền, sàng đá năng suất nghiền đến 25m <sup>3</sup> /h; máy cắt đá   | 420     | 340     |
| 3          | Máy nghiền đá và vận chuyển băng tải; máy nghiền, sàng đá năng suất nghiền trên 25m <sup>3</sup> /h  | 560     | 450     |
| <b>IV</b>  | <b>Các loại xe máy chuyên dùng phục vụ trong sân golf, khu giải trí</b>  |         |         |
|            | Xe địa hình, xe chở hàng, xe phục vụ giải khát trong sân golf, xe lu cỏ trong sân golf, xe phun, tưới dùng trong sân golf, xe phun, tưới chất lỏng, xe san cát trong sân golf, khu giải trí. | 280     | 180     |
| <b>V</b>   | <b>Các loại xe máy chuyên dùng khác</b>  |         |         |
| 1          | Xe quét, chà sàn; xe chở hàng trong nhà xưởng  | 280     | 180     |
| 2          | Xe sơn kẻ đường, xe quét đường, nhà xưởng; xe chuyên dùng trộn rác, khai thác gỗ, chở vật liệu các loại  | 560     | 450     |
| 3          | Xe tự đổ bánh lốp, bánh xích   | 560     | 450     |



|            |  |       |       |
|------------|--|-------|-------|
| 4          | Xe kéo, máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia giao thông                | 390   | 310   |
| <b>VI</b>  | <b>Các loại thiết bị nâng: cần trục, xe nâng, cần cẩu có sức nâng (**)</b> |       |       |
| 1          | Dưới 1 tấn   | 700   | 700   |
| 2          | Từ 1 tấn đến 3 tấn   | 840   | 840   |
| 3          | Trên 3 tấn đến 5 tấn   | 1.120 | 1.120 |
| 4          | Trên 5 tấn đến 7,5 tấn   | 1.400 | 1.400 |
| 5          | Trên 7,5 tấn đến 10 tấn  | 2.100 | 2.100 |
| 6          | Trên 10 tấn đến 15 tấn   | 2.380 | 2.380 |
| 7          | Trên 15 tấn đến 20 tấn   | 2.800 | 2.800 |
| 8          | Trên 20 tấn đến 30 tấn   | 3.500 | 3.500 |
| 9          | Trên 30 tấn đến 50 tấn   | 3.780 | 3.780 |
| 10         | Trên 50 tấn đến 75 tấn   | 4.200 | 4.200 |
| 11         | Trên 75 tấn đến 100 tấn  | 4.900 | 4.900 |
| 12         | Trên 100 tấn   | 5.600 | 5.600 |
| <b>VII</b> | <b>Các loại xi téc, bình nhiên liệu CNG, LPG (***)</b>                     |       |       |
| 1          | Đến 0,3 m <sup>3</sup>   | 530   | 130   |
| 2          | Trên 0,3 m <sup>3</sup> đến 1,0 m <sup>3</sup>                             | 540   | 160   |
| 3          | Trên 1,0 m <sup>3</sup> đến 2,5 m <sup>3</sup>                             | 570   | 210   |
| 4          | Trên 2,5 m <sup>3</sup> đến 5,0 m <sup>3</sup>                             | 590   | 260   |
| 5          | Trên 5,0 m <sup>3</sup> đến 10 m <sup>3</sup>                              | 620   | 320   |
| 6          | Trên 10m <sup>3</sup>  | 700   | 410   |

(\*) Thể tích gầu được tính là thể tích của gầu lớn nhất;

(\*\*) Đối với các loại thiết bị nâng, nếu chỉ kiểm định phần di chuyển thì giá thu bằng 40% mức giá quy định tại Biểu 2; nếu chỉ kiểm định phần nâng thì giá thu bằng 60% mức giá quy định tại Biểu 2;

(\*\*\*) Đối với các loại bình xi téc, bình nhiên liệu CNG, LPG có chu kỳ kiểm tra từ 1 năm trở lên, giá được tính là mức giá định kỳ hàng năm nhân với số năm trong chu kỳ kiểm tra.

Ghi chú: Đối với loại thiết bị, xe máy chuyên dùng có nhiều tính năng thì giá chỉ tính đối với tính năng có mức giá cao nhất.

2. Những thiết bị, xe máy chuyên dùng kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại những hạng mục không đạt tiêu chuẩn. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 2.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại Biểu 2.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

3. Trường hợp có thiết bị, xe máy chuyên dùng khác chưa được quy định trong biểu giá này thì căn cứ vào quy định của Nhà nước để các bên liên quan thống nhất mức giá kiểm định cụ thể theo nguyên tắc đảm bảo hài hoà lợi ích của các bên.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thoả thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy

định tại Biểu 2.

### III. Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong cải tạo

1. Biểu 3a:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/chiếc*

| TT | Nội dung thẩm định thiết kế   | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo                                     | 300     |
| 2  | Soát xét hồ sơ cho phép thi công cải tạo lần tiếp theo đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng | 150     |

2. Biểu 3b:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe*

| TT | Nội dung nghiệm thu cải tạo  | Mức giá |
|----|--|---------|
| 1  | Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng | 910     |
| 2  | Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng             | 560     |

### IV. Mức giá dịch vụ đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

1. Biểu 4

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/thiết bị*

| TT | Nội dung công việc                                | Mức giá |
|----|---|---------|
| 1  | Đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới | 450     |

2. Trường hợp thiết bị khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn của nhà chế tạo, phải sửa chữa, hiệu chỉnh và đánh giá, hiệu chuẩn lại hoặc thiết bị kiểm tra hư hỏng đột xuất phải sửa chữa và đánh giá, hiệu chuẩn trước thời hạn, giá đánh giá, hiệu chuẩn lại được tính như giá định quy định tại Biểu 4./.

**04. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Chủ xe hoặc chủ phương tiện đến kiểm tra lưu hành (sau đây gọi tắt là chủ xe) đưa xe và hồ sơ đến trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.<br/>         - Địa chỉ: Số 99 - đường Huỳnh Thúc kháng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Cán bộ phụ trách tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ kiểm định. Nếu hồ sơ kiểm định hợp lệ thì cán bộ phụ trách tiếp nhận đồng thời thu phí kiểm định theo quy định và giải quyết ngay, trường hợp hồ sơ kiểm định còn thiếu, cán bộ phụ trách hướng dẫn cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Cán bộ đăng kiểm viên tiếp nhận phương tiện từ cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện để đưa xe vào dây chuyền kiểm định. Nếu phương tiện đạt thì thu lệ phí cấp giấy chứng nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum. Nhân viên nghiệp vụ trong dây chuyền kiểm định in kết quả kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật &amp; bảo vệ môi trường; nếu phương tiện chưa đạt thì Trưởng dây chuyền thông báo cho chủ phương tiện hoặc lái xe biết những hạng mục không đạt của phương tiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ.</li> <li>+ Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính.</li> <li>+ Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe (có đủ chữ ký, dấu).</li> </ul> </li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện để nộp, gồm một trong các giấy tờ sau:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao chụp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành lần đầu)</li> <li>+ Giấy chứng nhận lưu hành của lần kiểm tra trước (đối với</li> </ul> </li> </ul>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | kiểm tra lưu hành của các lần tiếp theo);<br>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Trung tâm đăng kiểm 82.01S Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận.  |
| <b>Phí, Phí, Lệ phí:</b>     | - Giá dịch vụ kiểm định. Mức giá: 180.000 đồng/xe<br>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận. Mức thu: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Không   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/7/2019 của Bộ Giao thông vận tải. |

**05. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện trực tiếp nộp hồ sơ kiểm định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 99 - đường Huỳnh Thúc kháng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Cán bộ phụ trách tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ kiểm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu hồ sơ kiểm định hợp lệ thì cán bộ phụ trách tiếp nhận đồng thời thu phí kiểm định theo quy định và giải quyết ngay (trường hợp chủ phương tiện đưa xe tới Trung tâm Đăng kiểm để kiểm định).</li> <li>- Trường hợp chủ xe không thể đưa phương tiện tới trung tâm Đăng kiểm để kiểm định được thì cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ hẹn ngày kiểm tra theo địa điểm chủ xe đăng ký.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ kiểm định còn thiếu cán bộ phụ trách hướng dẫn cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Cán bộ đăng kiểm viên tiếp nhận phương tiện từ cá nhân là lái xe hoặc chủ phương tiện để đưa xe vào dây chuyền kiểm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu phương tiện đạt thì thu lệ phí cấp giấy chứng nhận tại phòng 1 cửa và nhân viên nghiệp vụ trong dây chuyền kiểm định in kết quả kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật &amp; bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nếu xe kiểm tra có kết quả không đạt, Trung tâm đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục và kiểm tra lại.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7<sup>h</sup> đến 11<sup>h</sup>; Buổi chiều từ 13<sup>h</sup> đến 16<sup>h</sup>30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ.</li> <li>+ Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính.</li> <li>+ Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe (có đủ chữ ký, dấu).</li> </ul> </li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện để nộp, gồm</li> </ul>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>một trong các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao chụp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành lần đầu) hoặc Giấy chứng nhận lưu hành của lần kiểm tra trước (đối với kiểm tra lưu hành của các lần tiếp theo);</li> <li>- Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định đối với trường hợp không đưa được xe đến Đơn vị đăng kiểm (Bản chính)</li> </ul> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>             |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Trung tâm đăng kiểm 82.01S Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận; Tem lưu hành   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe 4 bánh có gắn động cơ. Mức thu: 180.000 đồng /xe;</li> <li>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật đối với xe 4 bánh có gắn động cơ là 50.000 đồng/01 giấy chứng nhận.</li> </ul>   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Không   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Thỏa mãn yêu cầu quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong lưu hành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo Phụ lục VIII của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/7/2019 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |

**BIỂU PHÍ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG LINH KIỆN,  
XE CƠ GIỚI VÀ CÁC LOẠI THIẾT BỊ, XE MÁY CHUYÊN DÙNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013)

**Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành**

**Biểu 1**

*Đơn vị tính: 1000 đồng/xe*

| <b>TT</b> | <b>Loại xe cơ giới</b>  | <b>Mức phí</b> |
|-----------|---|----------------|
| 1         | Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô (xe ô tô đầu kéo + sơ mi rơ moóc), có trọng tải trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng | 560            |
| 2         | Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô (xe ô tô đầu kéo + sơ mi rơ moóc), có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo   | 350            |
| 3         | Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn   | 320            |
| 4         | Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn  | 280            |
| 5         | Máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyển tương tự, xe 4 bánh có gắn động cơ.                    | 180            |
| 6         | Rơ moóc, sơ mi rơ moóc  | 180            |
| 7         | Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt   | 350            |
| 8         | Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)   | 320            |
| 9         | Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)   | 280            |
| 10        | Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương  | 240            |

2. Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại những hạng mục không đạt tiêu chuẩn. Các lần kiểm định tiếp theo được thu phí như sau:

a) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành trong 01 ngày (theo giờ làm việc) với số lần kiểm định lại không quá 02 lần thì không thu. Những xe kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức phí quy định tại Biểu 1. Những xe kiểm định vào buổi chiều không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật nếu kiểm định lại trước khi kết thúc giờ làm việc buổi sáng ngày hôm sau thì được tính như kiểm định trong 01 ngày.

b) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức phí quy định tại Biểu 1.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) được tính như kiểm định lần đầu.

3. Kiểm định xe cơ giới để cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tạm thời (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% phí quy định tại Biểu 1.

4. Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức phí thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức phí quy định tại Biểu 1.

**06. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn và thu phí.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét hồ sơ, thẩm định.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sở Giao thông vận tải thực hiện theo quy định. Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.</p> <p>Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ được thẩm định phê duyệt cho Trung tâm để trả kết quả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua hệ thống bưu chính.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (<i>bản chính - theo mẫu</i>)</li> <li>- 04 bộ hồ sơ thiết kế, thành phần theo quy định gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới cải tạo gồm các phần sau: Giới thiệu mục đích cải tạo; Đặc tính kỹ thuật cơ bản của xe cơ giới trước và sau cải tạo; Nội dung thực hiện cải tạo và các bước công nghệ thi công; Tính toán các đặc tính động học, động lực học liên quan tới nội dung cải tạo; Tính toán kiểm tra sức bền các chi tiết liên quan tới nội dung cải tạo; Những hướng dẫn cần thiết cho việc sử dụng xe cơ giới sau khi cải tạo; Kết luận; Mục lục; Tài liệu tham khảo trong quá trình thiết kế.</li> </ul> </li> </ul>  |



|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>+ Các bản vẽ kỹ thuật gồm: Bản vẽ bố trí chung của xe cơ giới trước khi cải tạo; Bản vẽ bố trí chung của xe cơ giới sau khi cải tạo; Bản vẽ lắp đặt tổng thành hệ thống được cải tạo hoặc thay thế; Bản vẽ những chi tiết được cải tạo bao gồm cả hướng dẫn công nghệ và vật liệu được phép sử dụng khi cải tạo, thay thế.</p> <p>Các bản vẽ kỹ thuật phải được trình bày theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.</p> <p>+ Bản thông số, tính năng kỹ thuật của các tổng thành, hệ thống mua mới liên quan tới nội dung tính toán thiết kế (bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ sở thiết kế).</p> <p>- Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế).</p> <p>- Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả</b>               | Giấy chứng nhận thiết kế thẩm định   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Phí thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo.<br>Mức thu: 300.000 đồng/chiếc  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Mẫu văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cải tạo ( <i>Phụ lục 3 Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014</i> ).   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>  |

**PHỤ LỤC III**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**(CƠ SỞ THIẾT KẾ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
V/v: thẩm định thiết kế

..., ngày tháng năm

**Kính gửi:** Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

(Cơ sở thiết kế) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ./... của (cơ quan cấp); đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- **Tên thiết kế** :.....(tên thiết kế).....
- **Ký hiệu thiết kế** :.....(ký hiệu thiết kế).....

**1. Đặc điểm xe cơ giới:**

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

**2. Nội dung cải tạo chính:**

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

**3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:**

| ST T | Thông số kỹ thuật  | Đơn vị | Ô tô trước cải tạo | Ô tô sau cải tạo |
|------|--|--------|--------------------|------------------|
| 1    | Loại phương tiện   |        |                    |                  |
| 2    | Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)                          | mm     |                    |                  |
| 3    | Chiều dài cơ sở  | mm     |                    |                  |
| 4    | Vết bánh xe (trước/sau)  | mm     |                    |                  |
| 5    | Trọng lượng bản thân   | kg     |                    |                  |
| 6    | Số người cho phép chở  | người  |                    |                  |
| 7    | Trọng tải  | kg     |                    |                  |
| 8    | Trọng lượng toàn bộ  | kg     |                    |                  |
| ...  | Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo |        |                    |                  |

(Cơ sở thiết kế) xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

**Cơ sở thiết kế**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 55 THỦ TỤC

### 01. Thủ tục: *Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô*

|  |  |
|--|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;</li> <li>+ Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).</li> </ul> </li> <li>- <b>Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:</b></li> </ul>  |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
|                             | <p>+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (<i>theo mẫu</i>);<br/>         + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.<br/> <b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>  | Không quá 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải  |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Đơn vị kinh doanh vận tải (Tổ chức hoặc hộ kinh doanh)   |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô ( <i>Phụ lục I-Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i> ).  |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không  |
| <b>Kết quả</b>              | Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | <p>* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô</p> <p>- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách</p> <p>+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;</p> <p>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;</p> <p>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);</p> <p>+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;</p> <p>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.</p> <p>Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).</p> <p>- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận</p> |

|                       |  |
|-----------------------|--|
|                       | <p>tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;</li> <li>+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.</li> </ul> <p>* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;</li> <li>+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý</b> | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>   |

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: .....  
do..... cấp ngày.....tháng...năm.....; Mã số thuế: .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
- .....  
- .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)  
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:  
- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).  
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT***(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**02. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng**

|  |   |
|--|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;</li> <li>+ Người đại diện theo pháp luật;</li> <li>+ Các hình thức kinh doanh;</li> <li>+ Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>   |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
|                             | <p>(việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).</p> <p><b>* Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:</b></p> <p>- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (theo mẫu);</p> <p>+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;</p> <p>+ Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).</p> <p>- Đối với hộ kinh doanh vận tải:</p> <p>+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (theo mẫu);</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>  | Không quá 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải   |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Đơn vị kinh doanh vận tải (Tổ chức hoặc hộ kinh doanh)  |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục I - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP).  |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không   |
| <b>Kết quả</b>              | Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | <p><b>* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô</b></p> <p><b>- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách</b></p> <p>+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;</p> <p>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;</p> <p>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên</p>   |



|   |
|---|
| <p>hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);</p> <p>+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;</p> <p>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.</p> <p>Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).</p> <p>- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:</p> <p>+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;</p> <p>+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.</p> <p><b>* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô</b></p> <p>- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.</p> <p>- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:</p> |
|---|

|                       |   |
|-----------------------|---|
|                       | + Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;<br>+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét. |
| <b>Căn cứ pháp lý</b> | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>  |

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....  
 ....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**  
**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....; Mã số thuế: .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
 - .....  
 - .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)  
 Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:  
 - Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).  
 Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**03. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (theo mẫu).</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>        | Không quá 03 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>          | Sở Giao thông vận tải   |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>        | Đơn vị kinh doanh vận tải (Tổ chức hoặc hộ kinh doanh)  |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>       | Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục I - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP).  |
| <b>Phí, lệ phí</b>                | Không   |
| <b>Kết quả</b>                    | Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>         | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>             | Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.   |

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....  
 ....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**  
**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....; Mã số thuế: .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
 - .....  
 - .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)  
 Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:  
 - Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).  
 Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**04. Thủ tục: Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>        | - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời  |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
|                             | <p>thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.</p> <p>- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:</p> <p>+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;</p> <p>+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.</p> |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải  |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Đơn vị kinh doanh vận tải (Tổ chức hoặc hộ kinh doanh)   |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | Giấy đề nghị cấp phù hiệu ( <i>Phụ lục V - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i> ).   |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không  |
| <b>Kết quả</b>              | Phù hiệu   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>       | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>   |

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô .....ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
- .....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại: .....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

| TT  | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Loại phù hiệu (Tuyến CD, HD, DL, taxi, xe tải...) | (*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm) |
|-----|----------------|----------|--------------|---------------|--------------|---|---|
| 1   |                |          |              |               |              |   |   |
| 2   |                |          |              |               |              |   |   |
| ... |                |          |              |               |              |   |   |

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.



**05. Thủ tục: Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Đối với trường hợp khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, hồ sơ gồm:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (theo mẫu);</li> <li>- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.</li> </ul> </li> <li>* <b>Đối với trường hợp khi bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử</b></li> </ul>  |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
|                             | <p><b>dụng, hồ sơ gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng phù hiệu.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>  | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.  |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải   |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Đơn vị kinh doanh vận tải (Tổ chức hoặc hộ kinh doanh)  |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu ( <i>Phụ lục V - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i> ).  |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không   |
| <b>Kết quả</b>              | Phù hiệu  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>       | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>  |

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....  
 ....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT: .....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô .....ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại: .....
- Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

| TT  | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...) | (* ) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm) |
|-----|----------------|----------|--------------|---------------|--------------|---|--|
| 1   |                |          |              |               |              |   |  |
| 2   |                |          |              |               |              |   |  |
| ... |                |          |              |               |              |   |  |

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(\* ) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

## 06. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến

|  |   |
|--|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện</b></p>         | <p><b>1. Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021</b><br/> <b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<br/>         - Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).<br/> <b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.<br/>         - Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến bộ phận, người có thẩm quyền giải quyết.<br/>         - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.<br/> <b>Bước 3:</b> Trung tâm chuyên hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện<br/> <b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, công dân.<br/> <b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ, lễ theo quy định).<br/> <b>2. Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:</b><br/>         Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải (không nhận hồ sơ trực tiếp và qua đường bưu điện).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện</b></p>        | <p>- Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính (<b>Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>).<br/>         - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải (<b>Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 không nhận hồ sơ trực tiếp và qua đường bưu điện</b>).</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</b><br/>         - Đăng ký khai thác tuyến (<i>theo mẫu</i>);<br/>         - Bản sao Biên bản thống nhất giữa bên xe hai đầu tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới).<br/> <b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>  |
| <p><b>Thời hạn giải quyết</b></p>        | <p>- <b>Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:</b><br/>         + Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến</p>   |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
|                             | <p>bên kia, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.</p> <p>+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.</p> <p><b>- Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:</b></p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.</p> <p>Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.</p> |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải   |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Đơn vị kinh doanh vận tải (Doanh nghiệp hoặc hợp tác xã)  |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | Đăng ký khai thác tuyến ( <i>Phụ lục III - Nghị định số 10/2020/NĐ-CP</i> ).  |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không   |
| <b>Kết quả</b>              | Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>       | <i>Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.</i>  |

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

### **ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....
- 4; Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ... (tên cơ quan cấp) ..... cấp ngày ...../...../.....
5. Đăng ký .....(1)..... tuyến: Mã số tuyến: .....
- Nơi đi: ..... Nơi đến: .....(2)
- Bến xe đi: ..... Bến xe đến: .....(3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: .....giờ... phút, vào các ngày .....
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến: .....giờ... phút, vào các ngày .....
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng: .....
- Cự ly vận chuyển: .....km.
- Hành trình chạy xe: .....
6. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**07. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào – Campuchia**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện giải quyết thủ tục hành chính</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Văn bản chấp thuận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ</b>             | - Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên  |

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>khai:</b>               | <p>vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (<i>Phụ lục 9 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013</i>).</p> <p>- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (<i>Phụ lục 10 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013</i>).</p> |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | Doanh nghiệp, hợp tác xã đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định.  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT, ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |



**PHỤ LỤC 9**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải

Số:...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH  
LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... số Fax: .....
4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:  
Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: .....  
Bến đi:.....Bến đến: .....
- Cự ly vận chuyên:..... km  
Hành trình chạy xe:.....
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

| STT | Biển kiểm soát | Tên chủ sở hữu | Mác xe | Trọng tải | Năm sản xuất |
|-----|----------------|----------------|--------|-----------|--------------|
|     |                |                |        |           |              |
|     |                |                |        |           |              |
|     |                |                |        |           |              |

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 10**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH  
LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

**1. Đặc điểm tuyến:**

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến tải (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ..... km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:**

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lượt về từ Bến xe ..... đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....
  - Điểm dừng thứ hai: .....
  - Điểm dừng thứ ba:.....
- c) Thời gian dừng, nghỉ từ .....đến..... phút/điểm.

#### 4. Phương tiện bố trí trên tuyến

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Ghi chú |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|---------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6       |
| 1     |            |                 |              |           |         |
| 2     |            |                 |              |           |         |

#### 5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

#### 6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

#### 7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: .....đồng/HK.
- Giá vé chặng (nếu có): .....đồng/HK.

| Giá vé                         | đồng/HK |
|--------------------------------|---------|
| Trong đó:                      |         |
| - Giá vé (*)                   | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn chính     | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn phụ       | đồng/HK |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/HK |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:.....(ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: ..... (địa chỉ trang Web).

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**08. Thủ tục: Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp tại trực tiếp hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum tiếp nhận đối với xe của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu Bờ Y.</i></p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (<i>theo mẫu</i>)</li> </ul> <p>* Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> </ul>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);</p> <p>- Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).</p> <p>* Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).</p> <p><i>Ghi chú: Các giấy tờ nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.</i></p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép   |
| <b>Phí, Phí, Lệ phí:</b>     | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào ( <i>Phụ lục 7a - Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) hoặc Phụ lục 7b - Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án, Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |

**PHỤ LỤC 7A****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên doanh nghiệp/HTX**  
**đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH**  
**VẬN TẢI**

Kính gửi: .....

- Tên doanh nghiệp, HTX: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... ngày cấp: .....
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất-nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|---------------------------------|--|--------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                               | 10   | 11                 |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                    |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                    |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định  b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:  d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....

....., ngày tháng năm  
**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 7B**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ TRÊN LÃNH THỔ LÀO**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị/cá nhân  
đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:.....

- Tên đơn vị (hoặc cá nhân): .....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... ngày cấp ..... cơ quan cấp phép ..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất-nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|--------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                 |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                    |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                    |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                    |

6. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

....., ngày tháng năm  
**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
hoặc cá nhân  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có) )

### 09. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum tiếp nhận đối với xe của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu Bờ Y.</i></p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p><b>* Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (<i>theo mẫu</i>) (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp</li> </ul>   |



|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>luật;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);</li> <li>- Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).</li> <li>- Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng</li> </ul> <p><b>* Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào (<i>theo mẫu</i>) (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).</li> <li>- Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng .</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (<i>Phụ lục 7a Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014</i>).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (<i>Phụ lục 7b Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014</i>), đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.</li> </ul>  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành  |

|                        |   |
|------------------------|---|
|                        | trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li><li>- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP, ngày 10/9/2014 của Chính phủ;</li><li>- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li><li>- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</li></ul> |

**Phụ lục 7b**

*Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải*

**Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào**

**Tên đơn vị/cá nhân  
đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....Số Fax: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

| Số T T | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất - nhập |
|--------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|----------------------|
| 1      | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                   |
| 1      |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |
| 2      |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |
| 3      |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ :

b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác :

....., ngày tháng năm

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

*hoặc cá nhân*

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Phụ lục 7a**

Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải

Tên doanh nghiệp/HTX  
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN  
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: .....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....Số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... ngày cấp: .....
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

| Số T T | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất - nhập |
|--------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|---------------------------------|--|----------------------|
| 1      | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                               | 10   | 11                   |
| 1      |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |
| 2      |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |
| 3      |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hoá :

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bến đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....

....., ngày tháng năm

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

(Ký tên, đóng dấu)

**10. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Việt - Lào (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu)</li> <li>- Giấy phép liên vận Lào - Việt Nam (bản chính)</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Ghi gia hạn trực tiếp vào giấy phép liên vận.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Việt - Lào ( <i>Phụ lục 8 Thông tư 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại tỉnh KonTum nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).</li> <li>- Giấy phép liên vận Lào - Việt chưa được gia hạn vào mục gia</li> </ul>  |

|                        |   |
|------------------------|---|
|                        | hạn.  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <i>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br/>- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</i> |

**PHỤ LỤC 8**

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO XE CỦA LÀO  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

|   |  |
|---|--|
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị<br>gia hạn Giấy phép liên vận<br>của Lào   | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br><b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</b><br><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> |
| Company/Individual name<br>applying for extension of<br>Laos - Viet Nam Cross-border<br><u>Transport Permit</u> | <u>Independence - Freedom - Happiness</u>  |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT**  
**APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM**  
**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* .....
2. Địa chỉ: *(Address)* .....
3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ..... Số Fax: *(Fax No.)*: .....
- Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of ..... to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
  - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:.....
  - Giấy phép liên vận Lào - Việt số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: ..... Có giá trị đến: .....
  - Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.: ...Date of issue ..... Issuing Authority...Date of expiry .....*
  - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....
  - Date of entry into Viet Nam: ..... month ..... year .....*
  - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*
    - + Gia hạn Giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .....
    - Extension for: ... .. days, from date ... .. month .... year .... to date ... .. month ... year .....*
    - + Gia hạn chuyến đi: ..... ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm.....
    - Extension for Journey: ... .. days, from date ... month ... year ... to date ... month...*

year...

5. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*): .....

.....

6. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam*).

....., ngày (*date*) ..... tháng (*month*) ..... năm (*year*) .....

**Đại diện đơn vị (Representative of the Company)**

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(Driver, vehicle owner or authorized person).*



### 11. Thủ tục: *Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ của phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân ở trên địa bàn tỉnh Kon Tum và phương tiện phi thương mại do người nước ngoài tự lái.</i></p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia (theo mẫu)</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;</li> <li>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi</li> </ul>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>trường;</p> <p>- Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với xe công vụ).</p> <p><i>Ghi chú: Các giấy tờ nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.</i></p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại ( <i>phụ lục 7B Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT, ngày 31/7/2015</i> )   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <p>Phương tiện phi thương mại là ô tô chở người không quá 09 chỗ ngồi (kể cả người lái xe) và ô tô chở hàng hóa không thu tiền, bao gồm:</p> <p>a) Phương tiện công vụ thuộc quyền sử dụng của các cơ quan, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương và địa phương đóng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> <p>b) Phương tiện do người nước ngoài tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia);</p> <p>c) Phương tiện cá nhân (chỉ áp dụng cho xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe bán tải (pick-up));</p> <p>d) Phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp/hợp tác xã đó và không tham gia vận chuyển người và/hàng hóa có thu tiền;</p> <p>đ) Phương tiện cứu hỏa, phương tiện cứu thương, phương tiện cứu hộ, phương tiện thực hiện sứ mệnh nhân đạo”.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT, ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT, ngày 28/11/2019 của Bộ Giao thông vận tải.</p>  |

**PHỤ LỤC 7B.****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA CHO  
PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị/cá nhân  
đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM – CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax: .....
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                      |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                      |

....., ngày tháng năm

**Đại diện đơn vị hoặc cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**12. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia –Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị gia hạn (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam (bản chính).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Ghi gia hạn trực tiếp vào giấy phép liên vận.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Giấy đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam ( <i>phụ lục 8 Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT, ngày 31/7/2015</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | Phương tiện của Campuchia hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai,   |

|                        |  |
|------------------------|--|
|                        | tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp khi đang ở tỉnh KonTum) sẽ được gia hạn và một lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú, trong giấy phép liên vận chưa thực hiện gia hạn tại mục gia hạn. |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT, ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải  |

**PHỤ LỤC 8.****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO XE CỦA  
CAMPUCHIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |   |
|--|---|
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Campuchia<br>Company/Individual name applying for extension of Cambodia - Viet Nam Cross-border Transport Permit | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br><b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</b><br><b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b><br>Independence - Freedom - Happiness |
|--|---|

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM**  
**APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM**  
**CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To): .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): Name (organization or individual) .....
2. Địa chỉ: (Address) .....
3. Số điện thoại: (Tel No.) ..... Số Fax: (Fax No.): .....
- Ngày cấp (Date of issue) ..... Cơ quan cấp (Issuing Authority) .....
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: Kindly request Provincial Transport Department of ..... to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):
  - Biển số xe xin gia hạn (Registration No.): .....
  - Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: .....
  - Có giá trị đến: .....
  - Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:..... Date of issue ..... Issuing Authority... Date of expiry .....
  - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....  
Date of entry into Viet Nam: ..... month ..... year .....
  - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
Proposed extended duration (choose one of the two following options):
  - + Gia hạn Giấy phép liên vận: .....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...  
Extension for: .....days, from date ..... month..... year ..... to date ..... month ... year ....
  - + Gia hạn chuyển đi: .....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .....

Extension for Journey: ..... days, from date ... month ... year ... to date .....month... year...

5. Lý do đề nghị gia hạn (The reasons for extension): .....

.....  
.....

6. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. (To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam).

....., ngày (date) ..... tháng (month) ..... năm (year)....

Đại diện đơn vị (Representative of the Company)

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

### 13. Thủ tục: *Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum tiếp nhận đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh và xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu Bờ Y.</i></p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Đối với xe phi thương mại</b></li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án</li> </ul>  |



|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).</p> <p><b>* Đối với xe thương mại</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu)</li> <li>- Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);</li> <li>- Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (<i>phụ lục 6 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013</i>)</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (<i>phụ lục 7 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013</i>)</li> </ul>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe ô tô của tổ chức, cá nhân có giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp hoạt động qua lại biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam không vì mục đích kinh doanh vận tải, cụ thể bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước và quốc tế đi công tác, tham quan, du lịch;</li> <li>+ Xe ô tô chở người dưới 09 (chín) chỗ và xe bán tải (pick-up) đi với mục đích cá nhân;</li> <li>+ Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe cứu hộ, xe thực hiện sứ mệnh nhân đạo</li> <li>+ Xe ô tô, xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô và xe máy chuyên dùng thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã vận chuyển phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trên lãnh thổ</li> </ul> </li> </ul>  |

|                        |   |
|------------------------|---|
|                        | Campuchia, Lào.   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT, ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải. |

**Phụ lục 6**

(ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận  
tải đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|-------------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                      |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                         |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                         |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                         |

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định:                       b) Khách du lịch:   
c) Hành khách theo hợp đồng:                               d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến: .....đi .....và ngược lại

Bến đi: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyển: ..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Giao thông vận tải .....chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số .....ngày..... tháng..... năm .....

.....,Ngày tháng năm

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)



**14. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ <a href="http://qlvt.mt.gov.vn/">http://qlvt.mt.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tỉnh KonTum tiếp nhận đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh và xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu Bờ Y.</i></p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công trực tuyến; qua dịch vụ bưu chính  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p><b>* Đối với xe phi thương mại</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án</li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).</p> <p><b>*Đối với xe thương mại</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);</li> <li>- Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép.</i></p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (<i>phụ lục 6 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013</i>)</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (<i>phụ lục 7 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013</i>)</li> </ul>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <u>Không</u>   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT, ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>  |



**Phụ lục 6**

(ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận  
tải đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

- Tên đơn vị (hoặc cá nhân): .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại:.....số Fax: .....
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|-------------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                      |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                         |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                         |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                         |

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định:                       b) Khách du lịch:   
c) Hành khách theo hợp đồng:                                 d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến: .....đi .....và ngược lại  
Bến đi: Bến xe .....(thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyển: ..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Giao thông vận tải .....chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số .....ngày..... tháng..... năm .....

.....,Ngày      tháng      năm  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)



**15. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký phương tiện;</li> <li>- Giấy phép CLV;</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Văn bản gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia Lào Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Việt - Lào ( <i>Phụ lục 8 Thông tư 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014</i> )  |

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày hết hạn |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.</i>   |

**Phụ lục 8**

*Thông tư 88/2014/TT-BGTVT, ngày 31/12/2014*

Tên doanh nghiệp đề nghị gia  
hạn giấy phép liên vận của  
Lào, Campuchia  
Company name applying for  
extension of Laos, Cambodia  
Cross-border Transport  
Permit

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV**  
**APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA-LAOS-VIET NAM**  
**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....

2. Địa chỉ: *(Address)*.....Số Fax: *(Fax No.)*: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.)*:.....

Ngày cấp *(Date of issue)*..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* .....

5. Đề nghị Sở GTVT .....gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s)*:

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:.....

- Giấy phép liên vận CLV số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp:..... Có giá trị đến: .....

*Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:... (Date of issue).... (Issuing Authority)...Date of expiry* .....

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng .....năm .....

*Date of entry into Viet Nam: .....month .....year* .....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed to extend duration (choose one of the two following options)*:

+ Gia hạn giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

*Extension for:.....days, from date..... month..... year... ..to date..... month... year* .....

+ Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .....

*Extension of Journey: .....days, from date... month... year... to date .... month... year...*

7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:.....

.....  
 8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport*).

..., ngày (*Date*).....tháng (*month*).....năm (*year*)...

**Đại diện đơn vị (Representative of the Company)**

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
 (Driver, vehicle owner or authorized person)*

## 16. Thủ tục: Công bố đưa bến xe khách vào khai thác

|  |  |
|--|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Đơn vị khai thác bến xe chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền (Các bến xe khách đã công bố trước ngày 01 tháng 7 năm 2013, phải bổ sung bản vẽ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông điểm đầu nối bảo đảm an toàn giao thông thay cho văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền);</li> <li>- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;</li> <li>- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng (Các bến xe khách đã công bố trước ngày 01 tháng 7 năm 2013, phải bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác bến xe hoặc Quyết định thành lập bến xe khách thay cho Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng);</li> <li>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (<i>theo</i></li> </ul>  |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
|                             | <p><i>mẫu</i>);</p> <p>- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>  | Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra; chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra) |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải.   |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Tổ chức.   |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | <p>- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe vào khai thác (<i>Phụ lục 1 Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012</i>).</p> <p>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (<i>Phụ lục 1 Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015</i>).</p>   |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không  |
| <b>Kết quả</b>              | Quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác hoặc Văn bản thông báo các tiêu chí chưa đáp ứng theo quy chuẩn.   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | Đảm bảo quy định kỹ thuật các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách theo quy định tại theo Khoản 2.3.1 Mục II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi 1:2015.   |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>       | <p>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải</p> <p>- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |

**PHỤ LỤC 1**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... (2) .....

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2): .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách ..... (3) ..... Cụ thể như sau:

- Tên: (3) .....
- Địa chỉ: (4) .....
- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ..... công bố Bến xe khách ..... (3) ..... đạt quy chuẩn Bến xe loại: ..... (6) ..... và được đưa vào khai thác ..... (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**Phụ lục 2**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... (2) .....

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

| TT | Tiêu chí phân loại  | Đơn vị tính    | Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4).... | Theo thực tế |
|----|---|----------------|---|--------------|
| 1  | Tổng diện tích (tối thiểu)  | m <sup>2</sup> |   |              |
| 2  | Số vị trí đón khách (tối thiểu)   | vị trí         |   |              |
| 3  | Số vị trí trả khách (tối thiểu)   | vị trí         |   |              |
| 4  | Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)             | m <sup>2</sup> |   |              |
| 5  | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác                             | m <sup>2</sup> |   |              |
| 6  | Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)                            | m <sup>2</sup> |   |              |
| 7  | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách                    | chỗ            |   |              |
| 8  | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) |                |   |              |
| 9  | Diện tích khu vực làm việc  |                |   |              |
| 10 | Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông          |                |   |              |
| 11 | Diện tích khu vệ sinh   |                |   |              |
| 12 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ                                      |                |   |              |
| 13 | Đường xe ra; vào bến  |                |   |              |
| 14 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.      |                |   |              |
| 15 | Mặt sân bến   |                |   |              |
| 16 | Hệ thống cung cấp thông tin   |                |   |              |
| 17 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến  |                |   |              |

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố



**17. Thủ tục: Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác**

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách hoặc trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày (thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác), đơn vị khai thác bến xe chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |
| <b>Cách thức thực hiện</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);</li> <li>- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);</li> <li>- Biện bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);</li> <li>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết</b>        | Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ  |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
|                             | chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra; chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra)  |
| <b>Cơ quan thực hiện</b>    | Sở Giao thông vận tải.   |
| <b>Đối tượng thực hiện</b>  | Tổ chức.   |
| <b>Mẫu đơn, mẫu tờ khai</b> | Giấy đề nghị công bố lại bến xe vào khai thác ( <i>Phụ lục 4 Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012</i> )  |
| <b>Phí, lệ phí</b>          | Không  |
| <b>Kết quả thực hiện</b>    | Quyết định công bố bến xe vào khai thác hoặc Văn bản thông báo các tiêu chí chưa đáp ứng theo quy chuẩn.   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện</b>   | Đảm bảo quy định kỹ thuật các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách theo quy định tại theo Khoản 2.3.1 Mục II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi 1:2015.   |
| <b>Căn cứ pháp lý</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</li> <li>- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |

..... (2) .....

**PHỤ LỤC 4**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: ..... (2): .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng... năm .....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số... ngày... tháng...năm...của ...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng... năm .....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị .... (1) ..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách .... (3).... đạt loại: ..... (4): ..... vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**18. Thủ tục: Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận quả kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum thực hiện công bố đối với trạm dừng nghỉ trên các tuyến Đường tỉnh thuộc địa bàn.</i></p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p><b>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (<i>theo mẫu</i>).</li> <li>- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ.</li> <li>- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Biên bản nghiệm thu xây dựng.</li> <li>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (<i>theo mẫu</i>).</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ.</li> <li>- Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)</p>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định (10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra)   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Quyết định hành chính  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác ( <i>phụ lục 2 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012</i> ).<br>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ ( <i>phụ lục 3 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012</i> ). |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008</i> ;<br>- <i>Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải</i> .   |

**Phụ lục 2***(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)*

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2): .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ ..... (3) .....thuộc tỉnh:(4) ..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3) .....
- Địa chỉ: (5) .....
- Tổng diện tích đất: (6) .....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ....(1).... công bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại: ..... (7): ..... và được đưa vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
- (3) Ghi tên trạm dừng nghỉ
- (4) Ghi tên tỉnh
- (5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ
- (6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ
- (7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 3***(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)*

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2): .....

2. Trụ sở: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ..... (3) ..... như sau:

| <b>T</b> | <b>Tiêu chí phân loại</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Theo quy định kỹ thuật của TDN loại ... (4) ...</b> | <b>Theo thực tế</b> |
|----------|---|--------------------|--|---------------------|
| 1        | Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)  | m <sup>2</sup>     |  |                     |
| 2        | Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)   | m <sup>2</sup>     |  |                     |
| 3        | Đường xe ra, vào  |                    |  |                     |
| 4        | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện                                   |                    |  |                     |
| 5        | Trạm cấp nhiên liệu   |                    |  |                     |
| 6        | Mặt sân khu vực bãi đỗ xe   |                    |  |                     |
| 7        | Khu vệ sinh   | m <sup>2</sup>     |  |                     |
| 8        | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe  | m <sup>2</sup>     |  |                     |
| 9        | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) | m <sup>2</sup>     |  |                     |
| 10       | Nơi cung cấp thông tin  |                    |  |                     |
| 11       | Khu phục vụ ăn uống, giải khát  |                    |  |                     |
| 12       | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa  |                    |  |                     |

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

### 19. Thủ tục: Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận quả kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum thực hiện công bố đối với trạm dừng nghỉ trên các tuyến Đường tỉnh thuộc địa bàn.</i></p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác <i>(theo mẫu)</i>.</li> <li>- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</li> <li>- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</li> <li>- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</li> <li>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước) <i>(theo mẫu)</i>.</li> </ul>  |



|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | - Báo cáo kết quả hoạt động <i>(theo mẫu)</i> .<br>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định<br>- Chậm nhất trong thời hạn <b>10 ngày</b> làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.<br>- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn <b>05 ngày</b> làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố tiếp tục đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Quyết định hành chính  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác <i>(Phụ lục 5 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)</i> .<br>- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ <i>(Phụ lục 3 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)</i> .<br>- Báo cáo kết quả hoạt động <i>(Phụ lục 6 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)</i> .   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải .  |

**Phụ lục 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: ..... (2): .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do .... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: ... (3) ..... theo Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm... của ....(1) thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ..... (1) ..... tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ ..... (3).... đạt loại: ..... (4): .....vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
- (3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ
- (4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 3***(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012)*

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2): .....

2. Trụ sở: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ..... (3) ..... như sau:

| <b>T<br/>T</b> | <b>Tiêu chí phân loại</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Theo quy định kỹ thuật của TDN loại ...<b>(4)</b>...</b> | <b>Theo thực tế</b> |
|----------------|---|--------------------|---|---------------------|
| 1              | Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)  | m <sup>2</sup>     |   |                     |
| 2              | Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)   | m <sup>2</sup>     |   |                     |
| 3              | Đường xe ra, vào  |                    |   |                     |
| 4              | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện                                   |                    |   |                     |
| 5              | Trạm cấp nhiên liệu   |                    |   |                     |
| 6              | Mặt sân khu vực bãi đỗ xe   |                    |   |                     |
| 7              | Khu vệ sinh   | m <sup>2</sup>     |   |                     |
| 8              | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe  | m <sup>2</sup>     |   |                     |
| 9              | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) | m <sup>2</sup>     |   |                     |
| 10             | Nơi cung cấp thông tin  |                    |   |                     |
| 11             | Khu phục vụ ăn uống, giải khát  |                    |   |                     |
| 12             | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa  |                    |   |                     |

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu...

**Đại diện đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**Phụ lục 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....(2).....

Số: ...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: ..... (1) .....

..... (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của ..... (1) ..... thời gian được phép khai thác từ ngày ..... tháng ..... năm ..... đến ngày... tháng.... năm ....

..... (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

**I. Kết quả kinh doanh khai thác.**

1. Tổng số phương tiện vào trạm: ..... (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)
- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)
- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)
- Xe tải: ..... (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: ..... (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: ..... lượt xe và ..... lượt khách vào trạm.

Trong đó có: ..... xe con; .....xe khách trên 30 ghế; ..... xe khách dưới 30 ghế và ..... xe tải.

**II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:**

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

**III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:****IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):**

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

**V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):**

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

**VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:****Đại diện đơn vị khai thác trạm***(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

**20. Thủ tục: Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư phương tiện, trang thiết bị dạy lái xe theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đầy đủ viết phiếu hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra và trả kết quả cho tổ chức; Trường hợp chưa đủ theo quy định, phải hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đã đủ theo quy định Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề ở địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Sở Giao thông vận tải chuyển lại kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Bước 6:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30-10h30 và buổi chiều từ 13h30-16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (theo mẫu);</li> <li>- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)</li> <li>- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện                  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức.   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Mẫu Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe ( <i>Phụ lục 10 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</i> ).   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn theo quy định.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</i></li> <li>- <i>Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</i></li> </ul>              |



6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.
- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
  - Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
  - Thiết bị dạy lái trên xe.
  - Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
|-------|---------------|---------|---------|--------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 2     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 3     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| ....  |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
|       |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
|       |               |         |         |              |                     |                                |                                  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:.....m<sup>2</sup>.
- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
  - Có hiện trường tập lái thực tế.
8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
(Ký tên, đóng dấu)



**21. Thủ tục: Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Cơ sở đào tạo chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật, nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đã đủ theo quy định Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo.</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho cơ sở đào tạo.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30-10h30 và buổi chiều từ 13h30-16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức.   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy phép.   |
| <b>Phí, Phí, Lệ phí:</b>           | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Không  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | Không.   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</li> </ul>   |

**22. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Sau khi xây dựng xong Trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn viết giấy hẹn thời gian, địa điểm để Sở Giao thông vận tải kiểm tra và hẹn trả kết quả cho tổ chức.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đã đủ theo quy định Sở Giao thông vận tải tổ phối hợp với tổ chức đề nghị cấp phép tổ chức kiểm tra thực tế trung tâm sát hạch, lập biên bản kiểm tra.</li> <li>- Kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải cấp mới giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch.</li> <li>- Trường hợp chưa đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sở Giao thông vận tải chuyển lại hồ sơ được phê duyệt cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định)).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.</li> <li>- Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức.   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận.  |
| <b>Phí, Phí, Lệ phí:</b>     | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Không   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thành lập theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40: 2015/BGTVT về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Vụ Khoa học - Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10 tháng 12 năm 2015</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>   |

**23. Thủ tục: *Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động***

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Trung tâm sát hạch chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn viết giấy hẹn cho tổ chức. Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp đã đủ theo quy định Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch (<b><i>đối với trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung giấy chứng nhận</i></b>) hoặc tổ phối hợp với tổ chức đề nghị cấp phép tổ chức kiểm tra thực tế trung tâm sát hạch, lập biên bản kiểm tra (<b><i>đối với trường hợp có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe</i></b>).</li> <li>- Kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch.</li> <li>- Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sở Giao thông vận tải chuyển lại hồ sơ, kết quả được phê duyệt cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3 có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:</b></li> <li>- Văn bản đề nghị kiểm tra cấp lại giấy chứng nhận trung tâm</li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.</p> <p><b>* Đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3 mà giấy chứng nhận bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung giấy chứng nhận:</b></p> <p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | <p>- <b>Đối với trường hợp có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:</b> Không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động</p> <p>- <b>Đối với trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung giấy chứng nhận:</b> Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.</p> |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức.   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Không  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40: 2015/BGTVT về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Vụ Khoa học - Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10 tháng 12 năm 2015.   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |

## 24. Thủ tục: *Cấp Giấy phép xe tập lái*

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Cơ sở đào tạo chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ, nếu hợp lệ viết giấy hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra và hẹn trả kết quả; nếu không chưa đầy đủ, hợp lệ hướng dẫn cơ sở đào tạo bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ thì Sở Giao thông vận tải phối hợp với Cơ sở đào tạo đề nghị cấp phép thực hiện kiểm tra xe tập lái cùng thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;</li> <li>- Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho tổ chức.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế và cấp giấy phép xe tập lái cho xe đủ điều kiện.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức.  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy phép.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không.  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái ( <i>Phụ lục 8 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</i> ).   |

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | <p>- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;</p> <p>- Có xe tập lái các hạng được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;”</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | <p>- <i>Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</i></p>   |

**PHỤ LỤC 8**

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE TẬP LÁI**  
*(Ban hành kèm theo 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT |              | Ghi chú |
|-------|-----------------|----------------------|-------------|-----------|---------|------------|----------|-------------------------------------|--------------|---------|
|       |                 |                      |             |           |         |            |          | Ngày cấp                            | Ngày hết hạn |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày ..... tháng ..... năm 20

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**PHỤ LỤC 13d**

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE TẬP LÁI**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải .....)

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....) xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT |              | Ghi chú |
|-------|-----------------|----------------------|-------------|-----------|---------|------------|----------|-------------------------------------|--------------|---------|
|       |                 |                      |             |           |         |            |          | Ngày cấp                            | Ngày hết hạn |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

## 25. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép xe tập lái*

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Cơ sở đào tạo chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn cơ sở đào tạo bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm chuyên hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ thì Sở Giao thông vận tải phối hợp với Cơ sở đào tạo đề nghị cấp phép thực hiện kiểm tra xe tập lái;</li> <li>- Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ lại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho cơ sở đào tạo.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định)</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | Sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức.  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy phép.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không.  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái ( <i>Phụ lục 8 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</i> )  |

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | <p>- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;</p> <p>- Có xe tập lái các hạng được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;”</p> <p>- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | <p>- <i>Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</i></p>  |

**PHỤ LỤC 8**

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE TẬP LÁI**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT |              | Ghi chú |
|-------|-----------------|----------------------|-------------|-----------|---------|------------|----------|-------------------------------------|--------------|---------|
|       |                 |                      |             |           |         |            |          | Ngày cấp                            | Ngày hết hạn |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày ..... tháng ..... năm 20

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**26. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</p> <p>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định, phê duyệt.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả Sở Giao thông vận tải chuyển trả kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p><b>Bước 5:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum trả kết quả cho tổ chức, công dân.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định)</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (theo mẫu);</li> <li>- Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>- 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả tập huấn   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức.  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy chứng nhận.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | - Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (Phụ lục IV Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày   |

|                            |  |
|----------------------------|--|
|                            | <p>01/7/2016);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách giáo viên đề nghị được tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (<i>Phụ lục V Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</i>);</li> </ul>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | <p>Điều kiện giáo viên dạy thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;</li> <li>- Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;</li> <li>- Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển;</li> <li>- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành và được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008</i>;</li> <li>- <i>Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</i>.</li> <li>- <i>Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ</i>;</li> <li>- <i>Văn bản số 4515/TCĐBVN-QLPT&amp;NL ngày 26/7/2017 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam</i>.</li> </ul>   |

**PHỤ LỤC IV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY**  
**THỰC HÀNH LÁI XE**

(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là: ..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... Nam, Nữ .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Có giấy chứng minh nhân dân số: ....., cấp ngày ..... tháng..... năm .....

Nơi cấp: .....

Có giấy phép lái xe số: ....., hạng ..... do: .....

cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng .....

*Gửi kèm theo:*

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;
- 01 bản sao có chứng thực giấy phép lái xe (còn thời hạn);
- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng..... năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

**PHỤ LỤC V****MẪU DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE***(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CƠ SỞ ĐÀO TẠO****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho (*số lượng*) giáo viên được tham dự tập huấn để cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Hình thức tuyển dụng |                     | Trình độ |            |         | Giấy phép lái xe |                  |           | Ghi chú |
|-------|-----------|---------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|----------|------------|---------|------------------|------------------|-----------|---------|
|       |           |                     |                             | Biên chế             | Hợp đồng (thời hạn) | Văn hóa  | Chuyên môn | Sư phạm | Hạng             | Ngày trúng tuyển | Thâm niên |         |
|       |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                  |                  |           |         |
|       |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                  |                  |           |         |
|       |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                  |                  |           |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)***(Ký tên, đóng dấu)*



**27. Thủ tục: Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Cơ sở đào tạo chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và viết phiếu hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra và hẹn trả kết quả nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp chưa đủ theo quy định, hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định. Trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề ở địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định;</p> <p><b>Bước 4:</b> Kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Sở Giao thông vận tải chuyển trả lại kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho cơ sở đào tạo.</p> <p><b>Bước 6:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (theo mẫu);</li> <li>- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)</li> <li>- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | Trong thời gian không quá 08 (tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức.   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy phép.   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Mẫu Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe ( <i>Phụ lục 10 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</i> )   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn theo quy định.   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ 2008;</li> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</li> </ul> |



|     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

#### DANH SÁCH XE TẬP LÁI

| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
|-------|---------------|---------|---------|--------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 2     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 3     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| ....  |               |         |         |              |                     |                                |                                  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: ..... m<sup>2</sup>.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

**28. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải tỉnh để xem xét, thẩm định, phê duyệt.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả Sở Giao thông vận tải chuyển trả kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định)</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (<i>theo mẫu</i>)</li> <li>- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.</li> <li>- Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức.  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy chứng nhận.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (<i>Phụ lục IV Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</i>);</li> <li>- Danh sách giáo viên đề nghị được tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (<i>Phụ lục V Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</i>);</li> </ul>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp quy định tại khoản 4 Điều 53 Luật giáo dục nghề nghiệp;</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ sư phạm theo quy định;</li> <li>- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;</li> <li>- Giáo viên dạy lái xe ô tô phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;</li> <li>- Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày được cấp; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên, kể từ ngày được cấp; <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành</li> </ul> </li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008</i>;</li> <li>- <i>Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</i>.</li> <li>- <i>Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ</i>;</li> </ul>   |

**PHỤ LỤC IV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY**  
**THỰC HÀNH LÁI XE**  
*(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)*  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là: ..... Quốc tịch:.....  
 Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... Nam, Nữ .....  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
 Nơi cư trú: .....  
 Có giấy chứng minh nhân dân số: ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
 Nơi cấp: .....  
 Có giấy phép lái xe số: ....., hạng ..... do: .....  
 cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
 Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng .....

*Gửi kèm theo:*

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;
- 01 bản sao có chứng thực giấy phép lái xe (còn thời hạn);
- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng..... năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**PHỤ LỤC V**  
**MẪU DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG**  
**NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**  
*(Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho (*số lượng*) giáo viên được tham dự tập huấn để cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG**  
**NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Hình thức tuyển dụng |                     | Trình độ |            |         | Giấy phép lái xe |                  |           | Ghi chú |
|-------|-----------|---------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|----------|------------|---------|------------------|------------------|-----------|---------|
|       |           |                     |                             | Biên chế             | Hợp đồng (thời hạn) | Văn hóa  | Chuyên môn | Sư phạm | Hạng             | Ngày trúng tuyển | Thâm niên |         |
|       |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                  |                  |           |         |
|       |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                  |                  |           |         |
|       |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                  |                  |           |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*



## 29. Thủ tục: *Cấp mới Giấy phép lái xe*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân học lái xe lần đầu nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe tại Cơ sở được phép đào tạo lái xe.</p> <p><b>Bước 2:</b> Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định. Trước kỳ sát hạch ít nhất 4 ngày làm việc (đối với các hạng A1, A2) hoặc ít nhất 7 ngày làm việc (đối với hạng A3, A4 và ô tô các hạng), Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ và báo cáo danh sách đề nghị sát hạch với Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum bằng đường bưu chính hoặc trực tiếp tại Văn thư Sở Giao thông vận tải.</p> <p><b>Bước 3:</b> Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum tiếp nhận hồ sơ, báo cáo sát hạch, tổ chức sát hạch lái xe và cấp Giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.<br/>Trường hợp cá nhân đạt kết quả sát hạch có nhu cầu nhận giấy phép lái xe tại nhà, trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, thực hiện đăng ký qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả sát hạch và cấp Giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đối với cá nhân có nhu cầu nhận kết quả tại nhà hoặc đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho Cơ sở đào tạo</p> <p><b>Bước 5:</b> Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.<br/>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong – Thành phố Kon Tum – Tỉnh Kon Tum<br/>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo lái xe hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:<br/>* <b>Đối với người dự sát hạch lần đầu:</b><br/>+ <i>Hồ sơ do người học lái xe nộp:</i><br/>- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);<br/>- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;<br/>- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 6 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;<br/>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;<br/>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi</p>   |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
|                             | <p> cư trú, xác nhận là người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt (<i>theo mẫu - đối với người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4</i>);</p> <p>+ <i>Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ của người học lái xe;</li> <li>- Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;</li> <li>- Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.</li> </ul> <p><b>* Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:</b></p> <p>+ <i>Hồ sơ do người học lái xe nộp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài;</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</li> <li>- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn (<i>theo mẫu</i>) và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;</li> <li>- Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);</li> </ul> <p>+ <i>Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ của người học nâng hạng giấy phép lái xe;</li> <li>- Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;</li> <li>- Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo có tên của người dự sát hạch nâng hạng.</li> </ul> <p><i>(Lưu ý: Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe).</i></p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b> | Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b> | Cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>   | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>             | Giấy phép lái xe  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>         | <p>a) Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép</p> <p>b) Lệ phí sát hạch lái xe mô tô (hạng A1; A2; A3; A4):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết : 40.000 đồng/1 lần sát hạch;</li> <li>- Thực hành : 50.000 đồng/1 lần sát hạch</li> </ul> <p>c) Lệ phí sát hạch lái xe ô tô (hạng B1; B2; C; D; F):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết: 90.000 đồng/1 lần sát hạch.</li> <li>- Thực hành lái xe trong hình: 300.000 đồng/1 lần sát hạch.</li> <li>- Thực hành lái xe trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/1 lần sát hạch.</li> </ul>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | (Lưu ý: Người dự sát hạch nộp trực tiếp lệ phí sát hạch và cấp Giấy phép lái xe ngay trước khi tiến hành tổ chức kỳ sát hạch cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum)  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (<i>Phụ lục I Thông tư 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021</i>).</li> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú, xác nhận là người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt (<i>Phụ lục 24 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017</i>).</li> <li>- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn (<i>Phụ lục 8 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017</i>).</li> </ul>  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam;</li> <li>- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định;</li> <li>- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hạng B1 (số tự động) lên B1: thời gian hành nghề 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;</li> <li>+ Hạng B1 lên B2: thời gian hành nghề 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;</li> <li>+ Hạng C, D, E lên FC: thời gian hành nghề 01 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;</li> <li>+ B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D,E lên FC: thời gian hành nghề 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;</li> <li>+ B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.</li> </ul> </li> <li>- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</i></li> </ul>   |

**PHỤ LỤC I**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 7**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh màu  
3 cm x 4 cm  
chụp không  
quá 06 tháng

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH**  
**ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi: .....

Tôi là:..... Quốc tịch .....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):  
....., cấp ngày:...../...../....., nơi cấp: .....

Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng..... do:..... cấp ngày:...../...../.....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .....

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có  không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

.....  
Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Phụ lục 24**  
**MẪU GIẤY XÁC NHẬN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|   |
|---|
| Ảnh màu<br>3 x 4 cm<br>không quá 6<br>tháng (đóng<br>dấu giáp<br>lại) |
|---|

UBND xã, phường, thị trấn:.....

**XÁC NHẬN**

Ông (bà):..... Nam, Nữ:.....

Sinh ngày.....tháng.....năm..... Quốc tịch..... Dân tộc .....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu:

.....Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....

Là người **không** biết đọc, viết tiếng Việt

Đề nghị cho Ông (Bà) ..... được học, dự sát hạch để được cấp giấy  
phép lái xe hạng A1./.

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

**NGƯỜI HỌC, SÁT HẠCH LÁI XE**  
*(Ký và ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục 8**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**  
**THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là: .....

Sinh ngày: ..... / ..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi cư trú: .....

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số: .....

Cấp ngày: ..... / ..... / ....., nơi cấp: .....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: ....., hạng .....

do: ..... cấp ngày: ..... / ..... / .....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe và có.....km lái xe an toàn.

Đề nghị ..... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng .....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

**NGƯỜI KHAI**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

### 30. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép lái xe*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn thời gian, địa điểm tổ chức sát hạch (<b>đối với trường hợp quá thời hạn sử dụng trên 3 tháng</b>) hoặc hẹn thời gian trả kết quả (<b>đối với trường hợp còn thời hạn sử dụng</b>);</p> <p>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để thực hiện. Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, ra Quyết định tổ chức, phát giấy báo dự sát hạch và tiến hành tổ chức kỳ sát hạch cho người dự sát hạch lại do quá hạn.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p><b>* Đối với trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên:</b></p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;</p> <p>- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.</p>   |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
|                             | <p><b>* Đối với trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);</li> <li>- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;</li> <li>- Bản sao giấy chứng minh, nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định, cư ở nước ngoài).</li> </ul> <p><b>* Đối với trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</li> <li>- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;</li> <li>- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</li> <li>- Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).</li> </ul> <p><i>Lưu ý: Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</i></p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên:</b> Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.</li> <li>- <b>Đối với trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng:</b><br/>+ Sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, được xét cấp lại giấy phép lái xe. Được cấp lại giấy phép lái xe sau 10 ngày làm việc kể từ ngày được xét cấp lại.</li> <li>- <b>Đối với trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên:</b><br/>+ Sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, được xét đưa vào danh sách dự sát lại. Được cấp lại giấy phép lái xe sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi đạt.</li> </ul>   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b> | Cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>   | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>             | Giấy phép lái xe   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>         | - Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép;  |



|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần;</li> <li>- Phí sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần;</li> <li>- Phí sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần</li> </ul>   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe ( <i>Phụ lục 19 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe;</li> <li>- Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.</li> <li>- Giấy phép lái xe không bị các cơ quan có thẩm quyền đang thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i></li> </ul>   |

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ  
Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Kon Tum

Tôi là:.....Quốc tịch:.....  
 Sinh ngày:.....tháng.....năm ....., Nam ( Nữ):.....  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
 Nơi cư trú:.....  
 Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):  
 .....cấp ngày.....tháng.....năm.....  
 Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:.....năm.....  
 Hiện đã có giấy phép lái xe hạng.....số.....  
 do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....  
 Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....  
 Lý do:.....

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe (nếu có);

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Ghi chú:**

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị cơ quan quản lý giấy phép lái xe ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

### 31. Thủ tục: *Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp*

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công cấp độ 3 tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gplx.gov.vn">https://dichvucong.gplx.gov.vn</a>, hoặc nộp hồ sơ tại các điểm phục vụ đổi giấy phép lái xe thuộc Bưu điện tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Sau khi tiếp nhận hồ sơ Sở Giao thông vận tải kiểm tra tính hợp lệ, thẩm định hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; trường hợp đúng thì chuyển trả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả cho cá nhân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc tại các điểm phục vụ đổi giấy phép lái xe thuộc Bưu điện tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gplx.gov.vn">https://dichvucong.gplx.gov.vn</a></p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</li> <li>+ Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn;</li> </ul> </li> <li>- Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài);</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe khi đến thực hiện thủ</li> </ul>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>tục đổi giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi để đổi chiếu).</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ; giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép lái xe  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép;   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe ( <i>Phụ lục V Thông tư 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giáp phép lái xe (sổ quản lý);</li> <li>- Giấy phép lái xe bằng giấy bìa đang lưu hành còn thời hạn sử dụng được đổi sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET;</li> <li>- Người có giấy phép lái xe còn thời hạn hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, kể từ ngày hết hạn, người có giấy phép lái xe bị hỏng; còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe;</li> <li>- Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ được đổi giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống;</li> <li>- Trường hợp năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>   |

**PHỤ LỤC V**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: .....

Tôi là: ..... Quốc tịch: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .....

....., cấp ngày ...../...../....., nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:..... năm .....

Đã có giấy phép lái xe số: ....., hạng:....., do:..... cấp ngày ...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng: .....

Lý do: .....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có  không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

*Ghi chú:*

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

### 32. Thủ tục: *Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</li> <li>- Thu phí, lệ phí theo quy định</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, duyệt hồ sơ.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển lại kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho công dân</p> <p><b>Bước 5:</b> Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</li> <li>- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký</li> <li>- Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành</p>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <i>chính công và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</i><br>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép lái xe  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép.   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe ( <i>Phụ lục V Thông tư 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng...).</li> <li>- Giấy phép lái xe không quá thời hạn sử dụng theo quy định; không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i></li> <li>- <i>Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</i></li> </ul>   |

**PHỤ LỤC V**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: .....

Tôi là: ..... Quốc tịch: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .....

....., cấp ngày ...../...../....., nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:..... năm .....

Đã có giấy phép lái xe số: ....., hạng:....., do:..... cấp ngày ...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng: .....

Lý do: .....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có  không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*



### 33. Thủ tục: *Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</li> <li>- Thu phí, lệ phí theo quy định</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, duyệt hồ sơ.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển lại kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho công dân</p> <p><b>Bước 5:</b> Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01/8/1995:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh;</li> <li>- Hồ sơ gốc (nếu có).</li> </ul> </li> <li>+ <b>Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi, Cấp (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết</li> </ul> </li> </ul>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</li> <li>- Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh;</li> </ul> <p><b>+ Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước 31 tháng 7 năm 2020:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (theo mẫu);</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;</li> <li>- Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh;</li> <li>- Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;</li> <li>- Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép lái xe  |
| <b>Phí, Phí, Lệ phí:</b>     | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép.   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe ( <i>Phụ lục V Thông tư 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | - Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân), nếu   |

|                        |  |
|------------------------|--|
|                        | <p>có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép lái xe không quá thời hạn sử dụng theo quy định; không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.</li> <li>- Đối với người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân từ 12 tháng trở lên, học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân và Công an xã có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, trong trường hợp không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an mà giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã hết hạn sử dụng trước ngày Thông tư 01/2021/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành nhưng chưa quá 07 tháng (kể từ ngày Thông tư 01/2021/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành), nếu có nhu cầu được xét cấp giấy phép lái xe theo các quy định. Thời gian thực hiện đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải.</i></li> </ul>  |

**PHỤ LỤC V**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: .....

Tôi là: ..... Quốc tịch: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi cư trú: .....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .....

....., cấp ngày ...../...../....., nơi cấp: .....

Đã học lái xe tại:..... năm .....

Đã có giấy phép lái xe số: ....., hạng:....., do:..... cấp ngày ...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng: .....

Lý do: .....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có  không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**34. Thủ tục: *Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam***

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn và thu phí.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, duyệt hồ sơ.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển lại kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho công dân</p> <p><b>Bước 5:</b> Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao chụp giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;</li> <li>- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao chụp hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;</li> <li>- 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.</li> </ul> <p><i>Lưu ý: Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đổi</i></p>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <i>chiếu.</i><br>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không quá 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép.   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe ( <i>Phụ lục 20 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017</i> )   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Khách, du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i></li> </ul> |

**Phụ lục 20**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017  
 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independent – Freedom – Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
**APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVING LICENCE**  
 (Dùng cho người nước ngoài) – (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum (Transport Department Kon Tum)

Tôi là (Full name): .....

Quốc tịch(Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth): .....

Hiện cư trú tại (Permanent Address): .....

Số hộ chiếu (Passport No.): .....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):.....

.....

Cơ quan cấp (Issuing Office): .....

Tại (Place of issue): .....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):

.....

Định cư lâu dài ở Việt Nam/ không định cư lâu dài ở Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/ Short time of staying in Viet Nam) .

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch GPLX nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao chụp hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) (Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa));

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

*Kon Tum, ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Signature and Full name)*

### 35. Thủ tục: *Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ nội dung của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn và thu phí.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, duyệt hồ sơ.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi có kết quả, Sở Giao thông vận tải chuyển lại kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để trả kết quả cho công dân</p> <p><b>Bước 5:</b> Cá nhân nộp phí và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>theo mẫu-đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 19; đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20</i>);</li> <li>- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại</li> </ul>   |



|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Không quá 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp giấy phép lái xe. Mức thu: 135.000 đồng/giấy phép.  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (<i>Phụ lục 19 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017</i>);</li> <li>- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (<i>dành cho người nước ngoài</i>) (<i>Phụ lục 20 Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017</i>).</li> </ul>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.</li> <li>- Giấy phép lái xe của nước ngoài không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.</li> <li>- Đối tượng được đổi GPLX là người đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài tại Kon Tum.</li> <li>- Giấy phép lái xe của nước ngoài còn thời hạn sử dụng theo quy định, không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i></li> </ul>  |

**Phụ lục 19****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

(Ban hành kèm theo thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Kon Tum

Tôi là:.....Quốc tịch:.....  
 Sinh ngày:.....tháng.....năm ....., Nam ( Nữ):.....  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
 Nơi cư trú:.....  
 Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):  
 .....cấp ngày.....tháng.....năm.....  
 Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:.....năm.....  
 Hiện đã có giấy phép lái xe hạng.....số.....  
 do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....  
 Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....  
 Lý do:.....

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe (nếu có);

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị cơ quan quản lý giấy phép lái xe ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

**Phụ lục 20**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independent – Freedom – Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
**APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVING LICENCE**  
(Dùng cho người nước ngoài) – (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum (Transport Department Kon Tum)

Tôi là (Full name): .....

Quốc tịch(Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth): .....

Hiện cư trú tại (Permanent Address): .....

Số hộ chiếu (Passport No.): .....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):.....

.....

Cơ quan cấp (Issuing Office): .....

Tại (Place of issue): .....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ..... tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):

.....

Định cư lâu dài ở Việt Nam/ không định cư lâu dài ở Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/ Short time of staying in Viet Nam) .

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch GPLX nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);
- Bản sao chụp hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) (Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa));

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

*Kon Tum, ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Signature and Full name)*

### 36. Thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng*

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực), là một trong những giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</li> <li>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> </li> <li>- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực), là một trong những giấy tờ sau:</li> </ul>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo giấy tờ (Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu). Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <p>++ Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>++ Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng:</p> <p>++ Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>++ Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận tạm thời và Biển số xe máy chuyên dùng tạm thời.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời.<br>Mức thu: 70.000 đồng/lần/ phương tiện  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 4 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019</i> )   |

|                            |  |
|----------------------------|--|
|                            | - Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số-sử dụng đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo ( <i>mẫu số 1 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> )   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó. |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>   |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: ..... 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): ..... 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
8. Ngày cấp: .....
9. Nơi cấp: .....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
11. Loại xe máy chuyên dùng: .....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn: ..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất: ..... 17. Số khung: .....
18. Số động cơ: ..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngày .....tháng.....năm.....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:..... Ngày cấp:..... Số đăng ký quản lý:.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày ...../...../.....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải:.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:  
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;  
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.



**37. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký (<i>theo mẫu</i>) đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy chứng nhận và Biển số xe máy chuyên dùng.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | <p>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Mức thu: 50.000 đồng/lần;</p> <p>- Lệ phí cấp biển số đăng ký. Mức thu: 150.000 đồng/lần.</p>   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | <p>- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (<i>mẫu số 8 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019</i>)</p> <p>- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký (<i>mẫu số 17 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019</i>)</p>   |

|                            |   |
|----------------------------|---|
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | <p>Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>   |

**Mẫu số 8****Mẫu Tờ khai Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
24. Loại xe máy chuyên dùng:.....
25. Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... 26. Công suất: .....(kW).....
27. Màu sơn:..... 28. Năm sản xuất: .....
29. Nước sản xuất:..... 30. Số khung:.....
31. Số động cơ:..... 32. Trọng lượng: .....(kg).....
33. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngày .....tháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Cán bộ làm thủ tục**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**Mẫu số 17****Mẫu Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương  
đăng ký****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ  
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....  
 Ngày cấp:.....Nơi cấp.....  
 Địa chỉ thường trú:.....  
 Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:  
 Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....  
 Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....  
 Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....  
 Số động cơ:.....Số khung.....  
 Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....  
 Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên  
 dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....  
 Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông  
 vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

**Chủ phương tiện**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:  
 Đã thực hiện thông báo công khai tại.....  
 Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

.....,  
 ngày.....tháng.....năm.....  
**Thủ trưởng đơn vị thông báo**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

**38. Thủ tục: Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra phương tiện và hẹn thời gian trả kết quả cho người nộp hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản chính Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, là một trong những giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</li> <li>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> </li> <li>- Bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã</li> </ul>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | được cấp.<br>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận;   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Mức thu: 50.000 đồng/lần   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 2 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> ).   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó. |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;<br>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.<br>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải.  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
|----|----------------|--------------------|-----------------|----------|----------|
| 1  |                |                    |                 |          |          |
| 2  |                |                    |                 |          |          |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp

.....

**Cán bộ làm thủ tục**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

\*Ghi chú:

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**39. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo;</li> <li>- Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đổi với trường hợp chủ sở hữu thay đổi các thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | <p>- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;</p> <p>- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.</p>  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức  |



|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận và Biển số xe máy chuyên dùng.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số. Mức thu: 50.000 đồng /lần /phương tiện</li> <li>- Lệ phí đóng lại số khung, số máy 50.000 đồng/lần/phương tiện</li> <li>- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000 đồng/lần/phương tiện</li> </ul>  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 8 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> )   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó. |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>  |



**40. Thủ tục: Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến.**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố KonTum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra phương tiện và hẹn thời gian trả kết quả cho người nộp hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phối hợp với người nộp hồ sơ tổ chức kiểm tra thực tế phương tiện và chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30'-10h30' và buổi chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy chứng nhận và Biển số xe máy chuyên dùng.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Lệ phí cấp Giấy chứng nhận và Biển số xe máy chuyên dùng: 200.000 đồng/lần/phương tiện   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 2 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> );   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc  |

|                        |   |
|------------------------|---|
|                        | hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.                                |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |

**Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:.....
8. Ngày cấp:.....
9. Nơi cấp:.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
|----|----------------|--------------------|-----------------|----------|----------|
| 1  |                |                    |                 |          |          |
| 2  |                |                    |                 |          |          |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp

.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\*Ghi chú:

- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**41. Thủ tục: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30'-10h30' và buổi chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>).</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Hồ sơ gốc đã đăng ký  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 1 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký, biển số bị thu hồi trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xe máy chuyên dùng hỏng không sử dụng được;</li> <li>+ Xe máy chuyên dùng bị mất không tìm được;</li> <li>+ Xe máy chuyên dùng bán hoặc tái xuất ra nước ngoài;</li> </ul> </li> </ul>  |

|                        |   |
|------------------------|---|
|                        | <p>+ Cơ quan có thẩm quyền phát hiện có vi phạm quy định về cấp đăng ký, biển số phải làm thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số.</p> <p>- Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIÊN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:.....
8. Ngày cấp:.....
9. Nơi cấp:.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biên số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngày .....tháng.....năm.....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biên số:..... Ngày cấp:..... Số đăng ký quản lý:.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biên số ngày ...../...../.....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải:.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:  
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;  
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.



**42. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<br/>         - Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.<br/>         - Thời gian: Sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra phương tiện và hẹn thời gian trả kết quả cho người nộp hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phối hợp với người nộp hồ sơ tổ chức kiểm tra thực tế phương tiện và chuyển kết quả lại cho Trung tâm để giao trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.<br/>         - Thời gian: Buổi sáng từ 7h30'-10h30' và buổi chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p>  |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</li> <li>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> </li> <li>- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ</li> </ul> </li> </ul> |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
|                             | <p>trường Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biên số (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</li> <li>* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</li> </ul> <p>- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b> | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (05 ngày kiểm tra thực tế xe máy chuyên dùng; 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký).  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b> | Cá nhân, Tổ chức   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Mức thu: 50.000 đồng/lần   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 3 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> );<br>- Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số - sử dụng đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo ( <i>mẫu số 1 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> )                                     |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó. |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</i><br>- <i>Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</i><br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>   |

**Mẫu số 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam: từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...
6. Trụ sở giao dịch:.....
7. Loại xe máy chuyên dùng:.....
8. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 9. Công suất: .....(kW)
10. Màu sơn:..... 11. Năm sản xuất: .....
12. Nước sản xuất: ..... 13. Số khung:.....
14. Số động cơ:..... 15. Trọng lượng: .....(kg)...
16. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
17. Giấy tờ kèm theo nếu có:

| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
|----|----------------|--------------------|-----------------|----------|----------|
|    |                |                    |                 |          |          |
|    |                |                    |                 |          |          |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

Biển số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\*Ghi chú:

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu:      2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):      7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
8. Ngày cấp: .....
9. Nơi cấp: .....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
11. Loại xe máy chuyên dùng: .....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): .....      13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn: .....      15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất: .....      17. Số khung: .....
18. Số động cơ: .....      19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là .....
- Do Sở Giao thông vận tải ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: .....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị ..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số: ..... Ngày cấp: ..... Số đăng ký quản lý: .....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày ..... / ..... / .....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải: .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.

**43. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra phương tiện và hẹn thời gian trả kết quả cho người nộp hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phối hợp với người nộp hồ sơ tổ chức kiểm tra thực tế phương tiện và chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nộp phí và nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30'-10h30' và buổi chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</li> <li>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> </li> <li>- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng</li> </ul>  |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
|                             | <p>(là một trong những giấy tờ sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</li> <li>+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</li> <li>+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số (<i>theo mẫu</i>).</li> <li>+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</li> </ul> </li> <li>+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng <ul style="list-style-type: none"> <li>* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</li> <li>* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại)</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b> | 08 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ trong đó: (05   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | ngày kiểm tra xe máy chuyên dùng; 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký)  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận và Biên số xe máy chuyên dùng.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Mức thu: 50.000 đồng/lần<br>- Lệ phí cấp biển số đăng ký. Mức thu: 150.000 đồng/lần  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 2 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> );<br>- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 3 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> );<br>- Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số - sử dụng đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo ( <i>mẫu số 1 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> ) |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - <i>Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008</i> ;<br>- <i>Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải</i> ;<br>- <i>Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính</i> .  |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp:.....
4. Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
|----|----------------|--------------------|-----------------|----------|----------|
| 1  |                |                    |                 |          |          |
| 2  |                |                    |                 |          |          |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp .....

**Cán bộ làm thủ tục**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

\*Ghi chú:

- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
8. Ngày cấp: .....
9. Nơi cấp: .....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
11. Loại xe máy chuyên dùng: .....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn: ..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất: ..... 17. Số khung: .....
18. Số động cơ: ..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là .....
- Do Sở Giao thông vận tải ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: .....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị ..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số: ..... Ngày cấp: ..... Số đăng ký quản lý: .....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày ..... / ..... / .....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải: .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;

- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.

**44. Thủ tục: Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: sáng từ 7h30'-10h30', chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của pháp luật).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn cho người nộp hồ sơ;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ so với quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, phê duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30'-10h30' và buổi chiều từ 13h30'-16h30' từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</li> <li>+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</li> <li>+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. (Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao</li> </ul> </li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính)</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng và hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ( <i>mẫu số 9 Phụ lục 2 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019</i> ).   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.</li> <li>- Giao nộp lại biển số đã cấp.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</li> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT, ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
3. Ngày cấp: .....
4. Nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD: .....
8. Ngày cấp: .....
9. Nơi cấp: .....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng: .....
11. Loại xe máy chuyên dùng: .....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... 13. Công suất: .....(kW).....
14. Màu sơn: ..... 15. Năm sản xuất: .....
16. Nước sản xuất: ..... 17. Số khung: .....
18. Số động cơ: ..... 19. Trọng lượng: .....(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)): .....
- Biển số đăng ký : .....
- Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....
- Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải ..... để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày .....tháng .....năm .....

**Chủ phương tiện**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký: .....

đến Sở Giao thông vận tải: .....

....., ngày .....tháng .....năm .....

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:  
- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;  
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

**45. Thủ tục: Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi thẩm định, duyệt hồ sơ Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả thủ tục hành chính cho tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích.</p>  |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị (<i>theo mẫu</i>)</li> <li>- Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc giấy đăng ký tạm thời (đối với phương tiện mới nhận).</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe)</li> <li>- Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển</li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p><b>Lưu ý:</b> Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành là bản chính, rõ ràng, đầy đủ, không được tẩy xóa; tổ chức, cá nhân đứng đơn đề nghị phải là chủ phương tiện, người vận tải hoặc người thuê vận tải. Tổ chức, cá nhân đề nghị phải ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức); Trường hợp giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành không có dấu thì người đề nghị phải trực tiếp đến làm thủ tục và phải xuất trình chứng minh thư nhân dân của người đề nghị.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân đến làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải mang theo bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của các bản sao nêu trên để đối chiếu.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép.   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng trên đường bộ (<i>phụ lục 1 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015</i>).</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (<i>phụ lục 2 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015</i>);</p>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải</p>  |



**PHỤ LỤC 1**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

**Kính gửi:** (tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

| <b>1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:</b>   |                                  |                                |
|--|----------------------------------|--------------------------------|
| Thông số kỹ thuật  | Đầu kéo hoặc xe thân liền        | Rơ moóc/ Sơ mi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu  |                                  |                                |
| Biển số  |                                  |                                |
| Số trục  |                                  |                                |
| Khối lượng bản thân (tấn)  |                                  |                                |
| Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)  |                                  |                                |
| Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)  |                                  |                                |
| Khối lượng cho phép kéo theo (tấn)   |                                  |                                |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)   |                                  |                                |
| <b>2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:</b>   |                                  |                                |
| Loại hàng:   |                                  |                                |
| Kích thước (D x R x C) m:  | Tổng khối lượng (tấn):           |                                |
| <b>3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:</b>  |                                  |                                |
| Kích thước (D x R x C) m:  | Hàng vượt phía trước thùng xe: m |                                |
| Hàng vượt hai bên thùng xe: m  | Hàng vượt phía sau thùng xe: m   |                                |
| Tổng khối lượng:      tấn<br>(gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng) |                                  |                                |
| <b>4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:</b>   |                                  |                                |
| Trục đơn:      tấn   |                                  |                                |
| Cụm trục kép:      tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ...m   |                                  |                                |
| Cụm trục ba:      tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ...m  |                                  |                                |

**5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:**

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyên hướng, đi qua đường ngang tại Km .....): .....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến.....

**6. Cam kết của chủ phương tiện:** về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

....., ngày.... tháng... năm....

**Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị**  
*ký tên, đóng dấu*

## PHỤ LỤC 2

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH  
TRÊN ĐƯỜNG BỘ****Kính gửi:** (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....
- Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....
- Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .....
- Biển số đăng ký (nếu có): .....
- Khối lượng bản thân xe: ..... (tấn)
- Kích thước của xe:
  - + Chiều dài: .....(m)
  - + Chiều rộng: ..... (m)
  - + Chiều cao: ..... (m)
- Loại xích (nhọn hoặc bằng): .....
- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ..... (m)
- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ..... (m)
- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyên hướng, đi qua đường ngang tại Km .....): .....
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .....

(Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

....., ngày.... tháng... năm....

**Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị**  
ký tên, đóng dấu

**46. Thủ tục: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng); hoặc văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng);</li> <li>- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;</li> <li>- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).</li> </ul>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Văn bản chấp thuận   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đầu nối vào quốc lộ ( <i>Phụ lục 3 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đầu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đầu nối được phê duyệt;</li> <li>- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ Giao thông vận tải chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);</li> <li>- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.</li> </ul> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016).</i></li> <li>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017).</i></li> </ul>  |

**PHỤ LỤC 3****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO, ĐƯỜNG  
NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO  
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**  
**Chấp thuận xây dựng (.. .3..)**

Kính gửi: ..... (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (.....5.....)

- ( 2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (.....6..... )

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ Giao thông vận tải chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ

.... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

**47. Thủ tục: Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp Trực tiếp tại hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ (<i>bản chính - theo mẫu</i>)</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Văn bản chấp thuận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ ( <i>phụ lục 2c Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của</li> </ul>   |



|  |   |
|--|---|
|  | <p><i>Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016).</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li><i>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</i></li><li><i>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017).</i></li></ul> |
|--|---|

**PHỤ LỤC 2C**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ**  
**CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN**  
**CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT**  
**GIAO ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**  
**Gia hạn xây dựng (...3...)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (.....5.....)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao;

- (.....6.....)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**48. Thủ tục: Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức, viên chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; qua hệ thống bưu chính hoặc qua Dịch vụ công trực tuyến.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (<b>bản chính-theo mẫu</b>)</li> <li>- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa</li> </ul>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.</p> <p>- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng).</p> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.</p>                             |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không có  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ( <i>Theo mẫu</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <p>- Công trình thiết yếu bao gồm:</p> <p>+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh;</p> <p>+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: Viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng dầu, khí, năng lượng, hóa chất.</p> <p>- Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công; Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</p> <p>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</p> <p>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;</p> <p>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

..., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Chấp thuận xây dựng (...3...)**

Kính gửi ..... (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày .... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5.....)

( ...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu VT.

(...2.....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
  - (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.
  - (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
  - (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.
  - (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
  - (6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.
  - (7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).
  - (8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).
  - (9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.
  - (10) Các tài liệu khác nếu (...) thấy cần thiết./.
-

**49. Thủ tục: Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức, viên chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức, viên chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; qua hệ thống bưu chính hoặc qua Dịch vụ công trực tuyến.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (<b>bản chính - theo mẫu</b>)</li> <li>- 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).</li> </ul> <p>+ Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện: Quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình</p>  |



|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.</p> <p>+ Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.</p> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không có  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình ( <i>Theo mẫu</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình thiết yếu bao gồm:</li> <li>+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh;</li> <li>+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: Viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng dầu, khí, năng lượng, hóa chất.</li> <li>- Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công; Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu</li> </ul>  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>  |

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP PHÉP THI CÔNG  
CÔNG TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(1)

(2)

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH  
Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### **Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

### **Ghi chú:**

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

**50. Thủ tục: Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</p> <p>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (<i>bản chính - theo mẫu</i>)</p> <p>- Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)</p> <p>- 02 bộ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (<i>bản chính</i>)</p> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy phép  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình ( <i>Phụ lục 04 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015</i> )   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <p>- Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra</p> <p>- Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.</p> <p>- Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</i></p> <p>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016).</i></p> <p>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</i></p> <p>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017).</i></p>   |

**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Số: ...../....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
**Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

### **Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

### **Ghi chú:**

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

**51. Thủ tục: Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức, viên chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức, viên chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (<i>theo mẫu</i>)</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thời gian giải quyết:</i> Trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn;</li> <li>- <i>Thời gian gia hạn:</i> Chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.</li> </ul>  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức, cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ  |



|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không có   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Theo mẫu)  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU  
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Số: ...../....., ngày .... tháng .... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG  
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
**Gia hạn xây dựng (...3...)**

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(.. 2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(.. 2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu VT.

(...2...)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**52. Thủ tục: Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 11h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 11h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tiếp nhận và trả kết quả tại Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính);</li> <li>- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).</li> </ul> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Văn bản chấp thuận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình ( <i>Phụ lục 04 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền,   |

|                        |   |
|------------------------|---|
|                        | <p>chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được phê duyệt thiết kế và triển khai thi công:</p> <p>a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;</p> <p>b) Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định;</p> <p>c) Phê duyệt dự án, công trình nút giao theo quy định hiện hành.</p> <p>d) Gửi hồ sơ theo quy định đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016).</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017).</li> </ul>  |

**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Số: ...../....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
**Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

(...2....)

- Như trên;

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

- Lưu VT.

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**53. Thủ tục: Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, doanh nghiệp nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (<i>bản chính-theo mẫu</i>)</li> <li>- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao có kèm theo bản chính để đối chiếu)</li> <li>- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (Có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).</li> </ul> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy phép   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ</b>             | Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình ( <i>Phụ lục 04 Thông tư</i>   |

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>khai:</b>               | <i>số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015)</i>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án công trình đường bộ được Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét chấp thuận.</li> <li>- Có văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;</li> <li>- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt</li> </ul>   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016).</i></li> <li>- <i>Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017).</i></li> </ul> |



**PHỤ LỤC 4****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**(1)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****(2)****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH****Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**54. Thủ tục: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <p>Trình tự thực hiện:</p>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp trực tuyến <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải tỉnh để xem xét, thẩm định.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p><b>Bước 5:</b> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị thỏa thuận điểm đầu nối tạm thời đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam kèm theo hồ sơ quy định (theo thành phần hồ sơ ở mục 7). Trong đó nêu rõ lý do; vị trí, lý trình điểm đầu nối; thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời và ý kiến liên quan đến hoàn trả hiện trạng ban đầu</p> <p><b>Bước 6:</b> Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, chấp thuận đầu nối tạm thời (trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định); trường hợp không chấp thuận đầu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản cho UBND tỉnh và Sở Giao thông vận tải biết.</p> <p><b>Bước 7:</b> Căn cứ ý kiến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải thông báo kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp; Chuyển hồ sơ tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (sau khi có văn bản chấp thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam) để giao trả kết quả cho tổ chức, đơn vị.</p> <p><b>Bước 8:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p> | <p>Tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p>  |

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận đầu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nối, thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm;</li> <li>- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);</li> <li>- Văn bản của Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến đường về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đầu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đầu nối tạm, đề xuất phương án xử lý;</li> <li>- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đầu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.</li> </ul> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | <p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng cục đường bộ xem xét trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ có văn bản chấp thuận.</li> <li>- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trả lời chủ đầu tư dự án.</li> </ul>   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>                    | Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Không   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | <p>Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đầu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đầu nối được phê duyệt;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ Giao thông vận tải chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);</li> <li>- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập</li> </ul>   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016).</li> <li>- Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông Vận tải (bao gồm Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017).</li> </ul>   |

**55. Thủ tục: Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 11h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn cho tổ chức.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ được tiếp nhận đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xem xét, thẩm định, duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 11h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu chính hoặc qua Dịch vụ công trực tuyến  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (<i>theo mẫu</i>).</li> <li>- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng).</li> </ul> <p>b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 07 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo</li> </ul>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | <p>quy định (<i>Không tính thời gian kiểm tra hiện trường</i>) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 KV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p> <p>- Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc.</p>  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.   |
| <b>Kết quả:</b>              | Văn bản chấp thuận cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Không có  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình ( <i>theo mẫu</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <p>a) Xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến quốc lộ được giao quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam;</p> <p>b) Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu áp dụng đối với dự án sửa chữa công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác; <b>công trình đường dây tải điện dưới 35kV</b>, đường dây thông tin, viễn thông vượt phía trên đường bộ có cột nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng phải bảo đảm quy định về phạm vi bảo vệ trên không, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020.</p> |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT ngày 30/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải.</i></li> </ul>  |

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: .....(…4…)

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

(...2...) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình

thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) Cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu VT.

(...2...)  
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL.39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công;
- (5) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép thi công.
- (6) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (7) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (8) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (9) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để điền đầy đủ các thông tin cần thiết và gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan cho phù hợp./.*



### III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 11 THỦ TỤC

#### III.1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh thực hiện

##### 1. Thủ tục: Công bố hoạt động bến thủy nội địa

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố hoạt động bến thủy nội địa nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp trực tuyến tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a>; hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</p> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;</li> <li>- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao;</li> <li>- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;</li> </ul>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng; (Bản chính).</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Phí: 100.000 đồng/giấy phép  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa (có mẫu kèm theo).  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>  |

*Mẫu:* ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ BẾN THỦY NỘI ĐỊA  
**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**  
 Kính gửi: .....(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm .... tại .....

Địa chỉ: ..... số điện thoại liên hệ: .....

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2) .....

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3) .....

Từ km thứ ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, kênh .....

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) ..... huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố) .....

2. Cảng (bến) thuộc loại .....

3. Phạm vi vùng đất sử dụng .....

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa: .....

6. Phạm vi vùng nước sử dụng .....

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ .....

8. Phương án khai thác cảng (bến) .....

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày...tháng...năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm: .....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)**

(Ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT,...

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố

## 2. Thủ tục: Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

|   |  |
|---|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p>         | <p><b>Bước 1:</b> Chủ bến thủy nội địa chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính; hoặc hình thức trực tuyến tại <a href="https://dichvucong.kontum.gov.vn/">https://dichvucong.kontum.gov.vn/</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn cho tổ chức, cá nhân;</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn về chỉnh sửa, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức.</p> <p><b>Bước 5:</b> Tổ chức nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30 và buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> |
| <p><b>Cách thức thực hiện:</b></p>        | <p>Trực tiếp tại hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến</p>   |
| <p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b></p> | <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Hồ sơ đề nghị công bố hoạt động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa theo mẫu;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp Thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa);</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp Thay đổi chủ bến thủy nội địa).</li> </ul> </li> <li>* <b>Hồ sơ đối với phân thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế</li> <li>- kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn</li> </ul> </li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Tổ chức, cá nhân   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Phí: 100.000 đồng/lần  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa theo mẫu đính kèm  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>  |

*Mẫu:* ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA  
**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**

Kinh gửi: .....(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng .... năm ... tại ....

Địa chỉ: ..... số điện thoại liên hệ: .....

Đề nghị công bố lại hoạt động cảng (bến) thủy nội địa (2) .....

Nội dung đề nghị công bố lại: .....

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3) .....

Từ km thứ ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) .....sông, kênh). .....

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn), huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố) .....

2. Thời hạn hoạt động: từ ngày...tháng... năm...đến ngày...tháng...năm...

3. Hồ sơ gửi kèm gồm: .....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố Hoạt động cảng (bến).

**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)**

(Ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

### III.2. Thủ tục hành chính thực hiện đồng thời 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)

#### 01. Thủ tục: *Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật*

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp Xã, cấp Huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> |
|-----------------------------------|---|

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
|                                    | * Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).   |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;</li> <li>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (<i>theo mẫu</i>)</li> </ul> <p><b>a.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</li> </ul> <p>* Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại mục a.1 và mục a.2.</p> <p>* Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên không cần xuất trình biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <p>+ <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.</p> <p>+ <b>Cấp huyện:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</p> <p>+ <b>Cấp xã, phường, thị trấn:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức</p>  |



|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa ( <i>Mẫu số 6 - Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014</i> )<br>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa ( <i>Mẫu số 3 Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014</i> ) |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | <u>Không</u>   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.   |

**Mẫu số 6 - Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....  
do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....  
Năm và nơi đóng: .....  
Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....  
Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m  
Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m  
Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m  
Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn  
Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn  
Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....  
Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: .....

(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** <sup>(2)</sup>

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**Mẫu số 3 - Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ  
NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn  
hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới  
05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....)

m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**02. Thủ tục: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa**

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> <p>* Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> |
|-----------------------------------|--|

|  |  |
|--|--|
| <b>Cách thức thực hiện:</b>                | Trực tiếp; hoặc qua đường bưu chính;   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b>         | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (theo mẫu);</li> <li>- Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</li> <li>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (theo mẫu) đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</li> </ul> <p><b>a.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</li> <li>- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kê theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;</li> <li>- Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>                | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>                | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện; tiếp nhận hồ sơ:</b> | Sở Giao thông vận tải; UBND cấp huyện; Cấp xã, phường, thị trấn  |
| <b>Kết quả:</b>                            | Giấy chứng nhận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                        | Lệ phí cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa, mức phí: 70.000đồng/lần   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 5- Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014)</li> <li>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 3 Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014)</li> </ul>  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>                 | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>   |

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác  
sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây: .....

- Trụ sở chính: (1) .....

Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa**  
**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: .....m

Chiều rộng thiết kế:..... m Chiều rộng lớn nhất:.....m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần:.....tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: .....tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có): .....

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): ..... ngày .... tháng .... năm 20.....

Do cơ quan ..... cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.....

.....do cơ quan ..... cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày .... tháng .... năm 20.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1).....

- Điện thoại:..... Email:.....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):...../.....(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:..... tấn.

b) Sức chở người:..... người.

Tình trạng thân vỏ:.....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Vạch dấu môn nước an toàn đã được sơn (kê) trên hai mạn và mạn khô còn: ... mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phân ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm 20.....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**03. Thủ tục: Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp Xã, cấp Huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> <p>* Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày</p> |
|-----------------------------------|---|



|                                    |  |
|------------------------------------|--|
|                                    | nghi lễ).  |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp; hoặc qua đường bưu chính  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</li> <li>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm (<i>theo mẫu</i>).</li> </ul> <p><b>a.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</li> <li>- Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.</li> </ul> <p>* Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại mục a.1 và mục a.2.</p> <p>* Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <p>+ <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.</p> <p>+ <b>Cấp huyện:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</p> <p>+ <b>Cấp xã, phường, thị trấn:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới</p>   |

|                              |   |
|------------------------------|---|
|                              | 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định. |
| <b>Kết quả:</b>              | Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | - Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa ( <i>Mẫu số 4 - Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014</i> )<br>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa ( <i>Mẫu số 3 Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014</i> )                                |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;<br>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.  |

**Mẫu số 4 - Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Chiều cao mạn: ..... m

Năm hoạt động: ..... Chiều chìm: ..... m

Công dụng: ..... Mạn khô: ..... m

Năm và nơi đóng: ..... Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Vật liệu vỏ: ..... Số người có thể chở: ..... người

Chiều dài lớn nhất: .....(m) Sức kéo, đẩy ..... tấn

Chiều rộng lớn nhất: ..... (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...): .....

..... (cá nhân hoặc tổ chức) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian (mua, tặng, đóng) ..... ngày ..... tháng ..... năm.....

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương ..... , ngày .... tháng .... năm...

cấp phường, xã

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(Nội dung: Xác nhận ông, bà ... đăng ký hộ  
khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện  
nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**Mẫu số 3 - Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ  
NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn  
hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới  
05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**04. Thủ tục: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> <p>* Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày</p> |
|-----------------------------------|--|

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
|                                    | nghi lễ).   |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;</li> <li>- Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</li> </ul> <p><b>a.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <p>+ <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.</p> <p>+ <b>Cấp cấp huyện:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</p> <p>+ <b>Cấp xã, phường, thị trấn:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức</p>  |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.  |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa, mức phí: 70.000đ/lần  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa ( <i>Mẫu số 7 - Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014</i> )  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul> |

**Mẫu số 7 - Phụ lục I**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ  
Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....  
 Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....  
 Năm và nơi đóng: .....  
 Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....  
 Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m  
 Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m  
 Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m  
 Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn  
 Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn  
 Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):  
 .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



**05. Thủ tục: Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> |
|-----------------------------------|---|

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
|                                    | * Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)   |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</li> <li>- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</li> </ul> <p><b>a.2. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</li> <li>- Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;</li> <li>- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm. (Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;</li> <li>- Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.</li> <li>- <b>Cấp huyện:</b> thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ</li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | <p>sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</p> <p><b>- Cấp xã, phường, thị trấn:</b></p> <p>- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;</p> <p>- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định</p> |
| <b>Kết quả:</b>              | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí: 70.000 đ/Giấy chứng nhận   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Theo phụ lục đính kèm  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <p>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</p>  |

Mẫu: Đơn đề nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Do cơ quan ..... cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: .....

..... do cơ quan ..... cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ**  
**NHUNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**06. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> <p>* Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)</p> |
|-----------------------------------|---|

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>)</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.</li> </ul> <p><b>a.2. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <p><b>+ Sở Giao thông vận tải:</b></p> <p>Thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.</p> <p><b>+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện:</b></p> <p>Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</p> <p><b>+ Cấp xã, phường, thị trấn:</b></p> <p>Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;</p> <p>Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.</p> |
| <b>Kết quả:</b>                    | Giấy chứng nhận   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Lệ phí: 70.000đ/Giấy chứng nhận   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Theo Phụ lục đính kèm   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | <u>Không</u>  |

|                        |  |
|------------------------|--|
| <b>Căn cứ pháp lý:</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</li><li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li><li>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li></ul> |
|------------------------|--|



**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: .....m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**07. Thủ tục: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> |
|-----------------------------------|---|

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
|                                    | * Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)  |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;</li> <li>- Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</li> </ul> <p><b>a.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p> |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.</li> <li>- <b>Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</li> <li>- <b>Cấp xã, phường, thị trấn:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức</li> </ul>   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định. |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí: 70.000đ/Giấy chứng nhận  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Theo Phụ lục đính kèm  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>   |

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm...

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**08. Thủ tục: Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| <p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> </ul> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> <p>* Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)</p> |
|-----------------------------------|---|

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện  |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p><b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b></p> <p>* <b>Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện</b></p> <p>- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>        | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.   |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>        | Cá nhân, Tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>          | <p>- <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện xóa đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh.</p> <p>- <b>Cấp huyện:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</p> <p>- <b>Cấp xã, phường, thị trấn:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.</p> |
| <b>Kết quả:</b>                    | Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện  |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>                | Không  |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b>       | Theo Phụ lục đính kèm  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>         | <p>- Xóa đăng ký vĩnh viễn được áp dụng trong các trường hợp: phương tiện bị mất tích; phương tiện bị phá hủy; phương tiện không còn khả năng phục hồi; phương tiện được chuyển nhượng ra nước ngoài; theo đề nghị của chủ phương tiện;</p> <p>- Xóa đăng ký để đăng ký lại được áp dụng trong các trường hợp: thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (không thay đổi chủ sở hữu); chuyển quyền sở hữu phương tiện có thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.</p>  |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>             | <p>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</p> <p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</p>   |

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....  
 Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....  
 Năm và nơi đóng: .....  
 Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....  
 Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: .....m  
 Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m  
 Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m  
 Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn  
 Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: .....tấn  
 Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị ..... xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



**09. Thủ tục: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác**

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>  | <p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b> tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum;</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, cấp huyện:</b> Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp Xã, cấp Huyện hoặc qua đường bưu chính.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức, viên chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn (trực tiếp) hoặc gửi theo đường bưu chính.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu và không hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung (trực tiếp) hoặc gửi văn bản trả lời tổ chức, cá nhân những nội dung thành phần hồ sơ thiếu hoặc không đạt yêu cầu hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đối với cấp tỉnh:</b><br/>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum chuyển hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, thực hiện.</li> <li>- <b>Đối với cấp xã, huyện:</b> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, cấp huyện chuyển hồ sơ đến Bộ phận chuyên môn tham mưu giải quyết.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Sau khi xét duyệt hồ sơ, Sở Giao thông vận tải chuyển kết quả lại cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để giao trả kết quả cho tổ chức, công dân;</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Phòng/bộ phận chuyên môn cấp xã, huyện chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện để giao trả cho tổ chức, công dân.</li> </ul> <p><b>Bước 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tại cấp tỉnh:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả trả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</li> <li>- <b>Tại cấp xã, cấp huyện:</b> Tổ chức, công dân nộp lệ phí và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, cấp huyện.</li> </ul> <p>* Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 - 10h30 và buổi chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ)</p> |
| <b>Cách thức thực hiện:</b> | Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.  |
| <b>Thành phần, số lượng</b> | <b>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</b>  |

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>hồ sơ:</b>                | <p><b>a.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</li> <li>- Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.</li> </ul> <p><b>a.2. Giấy tờ xuất trình để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)</p>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.  |
| <b>Đối tượng thực hiện:</b>  | Cá nhân, Tổ chức  |
| <b>Cơ quan thực hiện:</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sở Giao thông vận tải:</b> Thực hiện đối với phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh.</li> <li>- <b>Cấp huyện:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.</li> <li>- <b>Cấp xã, phường, thị trấn:</b> Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.</li> </ul> |
| <b>Kết quả:</b>              | Giấy chứng nhận   |
| <b>Phí, Lệ phí:</b>          | Lệ phí: 70.000đ/Giấy chứng nhận   |
| <b>Tên mẫu đơn, tờ khai:</b> | Theo phụ lục đính kèm   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện:</b>   | Không   |
| <b>Căn cứ pháp lý:</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>  |

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: <sup>(1)</sup> .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....  
do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: ..... Cấp tàu: .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .....  
(nếu lý do thay đổi địa chỉ)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** <sup>(2)</sup>

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.